



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thông tin về Tập đoàn**

**Giấy chứng nhận**

**Đăng ký doanh nghiệp số** 0100100008

Ngày 29 tháng 1 năm 2015

Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được sửa đổi nhiều lần và lần gần đây nhất là Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100008 ngày 29 tháng 1 năm 2015. Các Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản Trị**

Ông Trần Quang Nghị	Chủ tịch
Ông Lê Tiến Trường	Ủy viên
Ông Đặng Vũ Hùng	Ủy viên
Ông Phạm Phú Cường	Ủy viên
Ông Lê Khắc Hiệp	Ủy viên
Ông Lê Đình Ngọc	Ủy viên
Ông Don Di Lam	Ủy viên

**Cơ Quan Tổng Giám đốc**

Ông Lê Tiến Trường	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Duy Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Phạm Nguyên Hạnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Trung Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Vệ Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Nguyên Tiên	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đặng Vũ Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Phú Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Tổng Giám đốc ( <i>từ ngày 5/2/2015</i> )
Ông Trần Văn Phổ	Phó Tổng Giám đốc ( <i>đến ngày 4/2/2015</i> )
Ông Phạm Văn Tân	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Khánh Sơn	Giám đốc Điều hành
Ông Lê Mạc Thuấn	Giám đốc Điều hành
Bà Phạm Minh Hương	Giám đốc Điều hành
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Giám đốc Điều hành ( <i>đến ngày 4/2/2015</i> )
Ông Uông Tiến Thịnh	Giám đốc Điều hành ( <i>đến ngày 1/2/2016</i> )

**Trụ sở đăng ký**

25 Phố Bà Triệu  
Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm  
Hà Nội, Việt Nam

**Công ty kiểm toán**

Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam** **Báo cáo của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Cơ quan Tổng Giám đốc:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 81 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Cơ quan Tổng Giám đốc cho rằng Tập đoàn Dệt May Việt Nam sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Cơ quan Tổng Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này.

Thay mặt Cơ quan Tổng Giám đốc



Lê Tiên Trường  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, 31-03-2016



**KPMG Limited**

46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,  
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,  
Me Tri Ward, South Tu Liem District, Hanoi,  
Vietnam

Tel: +84 4 3946 1600  
Fax: +84 4 3946 1601  
www.kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

### **Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 81.

### **Trách nhiệm của Cơ quan Tổng Giám đốc**

Cơ quan Tổng Giám đốc Tập đoàn Dệt May Việt Nam chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Cơ quan Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Cơ quan Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.





**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 01 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>9.271.733.675.706</b>	<b>9.581.926.874.368</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>2.472.432.913.255</b>	<b>2.544.719.495.496</b>
Tiền	111		590.333.971.499	459.464.385.556
Các khoản tương đương tiền	112		1.882.098.941.756	2.085.255.109.940
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>301.120.832.500</b>	<b>448.682.799.237</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	9(a)	60.000.000	31.668.726.240
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	9(a)	-	(2.383.093.720)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9(b)	301.060.832.500	419.397.166.717
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>3.282.048.883.299</b>	<b>3.444.385.008.056</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	2.238.223.471.110	2.230.217.513.550
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		433.645.958.970	419.430.451.176
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	201.879.168.302	349.825.813.560
Phải thu ngắn hạn khác	136	12(a)	733.613.795.186	638.806.849.783
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(325.943.716.677)	(193.895.620.013)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		630.206.408	-
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>14</b>	<b>2.833.378.134.133</b>	<b>2.849.137.288.402</b>
Hàng tồn kho	141		2.874.036.790.784	2.903.242.583.776
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(40.658.656.651)	(54.105.295.374)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>382.752.912.519</b>	<b>295.002.283.177</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	20(a)	22.994.230.608	21.148.598.948
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		345.073.774.304	230.875.489.183
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24(a)	14.379.634.977	30.341.386.117
Tài sản ngắn hạn khác	155		305.272.630	12.636.808.929

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>9.538.769.924.584</b>	<b>8.198.986.999.039</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>585.474.923.940</b>	<b>504.566.658.594</b>
Phải thu về cho vay dài hạn	215		6.859.000.000	-
Phải thu dài hạn khác	216	12(b)	578.615.923.940	504.566.658.594
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>4.726.268.318.378</b>	<b>4.649.734.037.823</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	15	4.547.292.417.355	4.447.696.407.185
<i>Nguyên giá</i>	222		9.524.976.809.545	9.081.997.845.428
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(4.977.684.392.190)	(4.634.301.438.243)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	16	63.085.606.759	50.939.056.442
<i>Nguyên giá</i>	225		77.869.150.876	57.831.747.820
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(14.783.544.117)	(6.892.691.378)
Tài sản cố định vô hình	227	17	115.890.294.264	151.098.574.196
<i>Nguyên giá</i>	228		139.714.166.423	173.183.263.553
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(23.823.872.159)	(22.084.689.357)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>18</b>	<b>137.122.569.411</b>	<b>49.646.504.419</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		162.031.019.056	72.027.858.343
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(24.908.449.645)	(22.381.353.924)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.588.289.306.866</b>	<b>576.625.489.809</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	19	1.588.289.306.866	576.625.489.809
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.993.460.437.532</b>	<b>1.868.678.886.499</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết	252	9(c)	1.648.681.034.451	1.443.930.552.590
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	9(c)	371.556.535.617	459.925.719.935
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	9(c)	(26.782.132.536)	(40.096.750.026)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	9(b)	5.000.000	4.919.364.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>508.154.368.457</b>	<b>549.735.421.895</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	20(b)	461.209.582.886	461.739.439.935
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	12.818.658.533	23.607.355.487
Tài sản dài hạn khác	268		869.753.783	34.463.839.735
Lợi thế thương mại	269	22	33.256.373.255	29.924.786.738
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>18.810.503.600.290</b>	<b>17.780.913.873.407</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>11.477.592.278.042</b>	<b>11.248.352.474.702</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.841.976.024.142</b>	<b>7.222.785.807.932</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	23	1.203.491.557.996	1.331.463.029.833
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		72.828.899.328	56.575.343.418
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24(b)	101.968.149.707	97.165.934.654
Phải trả người lao động	314		561.035.504.008	499.716.279.125
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25(a)	188.889.816.832	183.044.476.856
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	26(a)	6.833.858.515	9.495.875.465
Phải trả ngắn hạn khác	319	27(a)	684.215.591.558	1.013.600.912.606
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	28(a)	3.884.716.676.655	3.901.269.718.972
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	29	4.717.381.547	1.063.781.893
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	30	133.278.587.996	129.390.455.110
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4.635.616.253.900</b>	<b>4.025.566.666.770</b>
Phải trả người bán dài hạn	331	23	21.780.241.292	28.388.184.613
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		33.983.303.750	-
Chi phí phải trả dài hạn	333	25(b)	28.794.411.822	28.460.160.000
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	26(b)	110.715.995.720	74.452.964.030
Phải trả dài hạn khác	337	27(b)	55.439.098.840	506.989.812.546
Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn	338	28(b)	4.221.370.382.990	3.240.084.045.057
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	21	46.007.444.456	26.250.970.855
Dự phòng phải trả dài hạn	342	29	117.290.115.751	119.291.005.625
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		235.259.279	1.649.524.044

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 01 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)</b>	<b>400</b>	<b>31</b>	<b>7.332.911.322.248</b>	<b>6.532.561.398.705</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>7.291.482.698.813</b>	<b>6.489.435.488.672</b>
Vốn cổ phần/vốn góp	411	32	5.000.000.000.000	4.299.595.911.499
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		5.000.000.000.000	4.299.595.911.499
Thặng dư vốn cổ phần	412		29.911.650.892	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414		42.248.630.739	770.234.193.045
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(748.765.581.042)	(803.152.512.757)
Quỹ đầu tư phát triển	418	33	421.021.002.398	388.519.949.500
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.944.352.367	10.735.145.017
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		563.486.264.926	207.834.918.253
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		147.491.675.907	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		415.994.589.019	207.834.918.253
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422	34	497.352.336.562	2.760.607.380
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.475.284.041.971	1.612.907.276.735
<b>Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>41.428.623.435</b>	<b>43.125.910.033</b>
Nguồn kinh phí	431		3.004.072.271	947.591.542
Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		38.424.551.164	42.178.318.491
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>18.810.503.600.290</b>	<b>17.780.913.873.407</b>

31 -03- 2016

Người lập:



Đặng Thị Hải  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng



Lê Tiến Trường  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Mẫu B 02 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	36	15.180.850.358.432	13.487.907.302.295
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	36	22.100.729.500	27.384.227.424
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>36</b>	<b>15.158.749.628.932</b>	<b>13.460.523.074.871</b>
Giá vốn hàng bán	11	37	13.292.797.150.841	11.926.706.430.915
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>1.865.952.478.091</b>	<b>1.533.816.643.956</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	38	442.313.467.907	235.737.779.196
Chi phí tài chính	22	39	688.664.328.894	331.092.115.210
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		354.284.173.973	275.969.528.569
Phần lãi trong công ty liên kết	24		498.259.938.877	378.428.504.000
Chi phí bán hàng	25	40	561.711.536.516	650.202.902.845
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	41	980.626.161.554	921.228.563.427
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>575.523.857.911</b>	<b>245.459.345.670</b>
Thu nhập khác	31	42	215.996.634.857	364.874.876.900
Chi phí khác	32	43	164.259.156.415	80.037.610.363
<b>Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>51.737.478.442</b>	<b>284.837.266.537</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>627.261.336.353</b>	<b>530.296.612.207</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	45	64.756.757.475	47.537.657.513
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	45	30.545.170.555	18.174.662.379
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (chuyển sang trang sau)</b>	<b>60</b>		<b>531.959.408.323</b>	<b>464.584.292.315</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



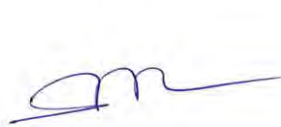
**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 02 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) (mang sang từ trang trước)</b>	<b>60</b>		<b>531.959.408.323</b>	<b>464.584.292.315</b>
<b>Phân bổ:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		382.184.634.187	311.789.915.820
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		149.774.774.136	152.794.376.495
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	46	764	(*)

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu không được tính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 do giai đoạn đó thuộc về Công ty TNHH Một thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

**31 -03- 2016**

Người lập:



**Đặng Thị Hải**  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:



**Phạm Văn Tân**  
Kế toán trưởng



**Lê Tiến Trường**  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>627.261.336.353</b>	<b>530.296.612.207</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		585.663.173.305	477.560.905.056
Các khoản dự phòng	03		142.437.387.116	78.118.829.762
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		56.008.761.043	8.872.646.069
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(725.593.824.363)	(546.024.913.649)
Chi phí lãi vay	06		354.284.173.973	275.969.528.569
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ do hợp nhất các công ty con mới trong năm	07		-	(64.078.039.811)
Nợ phải trả được điều chỉnh giảm	07		(11.516.222.447)	(50.515.081.265)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>1.028.544.784.980</b>	<b>710.200.486.938</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09		(652.187.055.984)	710.875.546.068
Biến động hàng tồn kho	10		(204.208.392.096)	(170.335.490.484)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		502.878.008.791	(599.167.261.895)
Biến động chi phí trả trước	12		(85.430.154.028)	21.248.599.806
Biến động chứng khoán kinh doanh	13		22.102.232.451	-
			<b>611.699.424.114</b>	<b>672.821.880.433</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(351.551.603.421)	(239.129.544.003)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(60.637.314.396)	(58.479.739.137)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		521.621.957.265	2.551.814.332.013
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(474.794.857.961)	(1.858.528.190.464)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>246.337.605.601</b>	<b>1.068.498.738.842</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.173.129.146.245)	(1.136.237.317.345)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		141.880.259.148	26.759.938.781
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(489.739.179.478)	(257.324.185.025)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		320.808.174.789	140.731.980.409
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(76.330.416.254)	(21.870.763.185)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		114.742.940.194	166.126.562.844
Tiền thu lãi cho vay, lãi tiền gửi và cổ tức	27		456.581.778.927	308.278.624.808
Ảnh hưởng thuần của việc thanh lý công ty con và hợp nhất công ty con mới trong năm		7	277.032.580.846	40.911.050.822
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.428.153.008.073)</b>	<b>(732.624.107.891)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		40.021.764.691	56.944.838.706
Tiền thu từ đi vay	33		15.331.394.255.786	9.158.992.880.794
Tiền trả nợ gốc vay	34		(14.153.985.841.920)	(8.174.318.575.736)
Tiền trả cổ tức	36		(107.901.358.326)	(20.493.207.818)
Lợi nhuận nộp Ngân sách Nhà nước	36		-	(111.522.692.784)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>1.109.528.820.231</b>	<b>909.603.243.162</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015****(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)****Mẫu B 03 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND	2014 VND
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	50		(72.286.582.241)	1.245.477.874.113
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	60		2.544.719.495.496	1.299.241.621.383
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	70	8	2.472.432.913.255	2.544.719.495.496

**31-03-2016**

Người lập:

Đặng Thị Hải  
Chuyên viên Kế toán

Người duyệt:

Phạm Văn Tân  
Kế toán trưởng*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này*

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam được thành lập dưới hình thức là một công ty TNHH Một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quyết định số 974/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25 tháng 6 năm 2010.

Căn cứ vào Quyết định số 646/QĐ-TTg ngày 6 tháng 5 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam, căn cứ vào Công văn số 4085/BTC – TC ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Công Thương về việc bán cổ phần lần đầu, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện việc bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo hình thức kết hợp vừa bán bớt một phần vốn Nhà nước, vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ, tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 22 tháng 9 năm 2014. Theo đó, vốn điều lệ của Tập đoàn Dệt May Việt Nam sau cổ phần hóa là 5.000 tỷ VND, trong đó Nhà nước giữ cổ phần chi phối. Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu ngày 29 tháng 1 năm 2015.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được gọi chung là “Tập đoàn”) và các lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết.

### **(b) Hoạt động chính**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nhiệm vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư vốn và có toàn quyền quản lý vốn Nhà nước trong các công ty con của Tập đoàn để đảm bảo duy trì và phát triển nguồn vốn được Chính phủ Việt Nam giao với các hoạt động chính như sau:

#### **1. Sản xuất và kinh doanh trong các lĩnh vực sau:**

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Gia công, sản xuất, chế biến nông, lâm, thủy hải sản (sơ chế); đóng gói thực phẩm tươi, thực phẩm sơ chế, thực phẩm khô, bánh mứt các loại;
- Sản xuất kinh doanh nguyên liệu bông xơ; nguyên phụ liệu, bao bì cho sản xuất và chế biến bông; dịch vụ kỹ thuật và kinh doanh các loại giống cây trồng, phân bón và vật tư nông nghiệp khác; sản xuất các chế phẩm sinh học phục vụ cho ngành nông lâm nghiệp; chế biến nông sản; kiểm nghiệm giống bông, giống cây trồng, chất lượng bông xơ;

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- Xuất nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác;
  - Kinh doanh bán lẻ các sản phẩm dệt may và các sản phẩm tiêu dùng khác, gồm: đầu tư xây dựng siêu thị; cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh (kiốt, trung tâm thương mại); cho thuê kho, bãi đậu xe, dịch vụ giữ xe; mua bán hàng dệt may, vật tư công nghiệp và các sản phẩm tiêu dùng khác; bia, rượu, thuốc lá các loại; bán hàng lưu động đã đăng ký trong giấy phép đăng ký kinh doanh;
  - Dịch vụ: thi công, lắp đặt hệ thống điện dân dụng, điện lạnh, công nghiệp; tư vấn, thiết kế quy trình công nghệ, bố trí máy móc thiết bị cho ngành công nghiệp dân dụng; tư vấn thiết kế lập các dự án đầu tư trong lĩnh vực dệt may, môi trường; tư vấn giám sát, kiểm tra, đánh giá hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kỹ thuật, thương mại và môi trường; thiết kế, chế tạo thiết bị, linh kiện và lắp đặt hệ thống điện công nghiệp, hệ thống cầu, thang nâng hạ, thang máy sản xuất, kinh doanh sửa chữa, lắp đặt các sản phẩm cơ khí và máy móc thiết bị công nghiệp; thực hiện các dịch vụ thương mại và công việc có tính chất công nghiệp; giám định kiểm tra chất lượng nguyên phụ liệu, hoá chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm dệt may; dịch vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đào tạo nghề dệt may công nghiệp, nghề cơ khí; xuất khẩu lao động Việt Nam; uỷ thác mua bán xăng, dầu; kinh doanh kho vận, kho ngoại quan; thiết kế, thi công xây lắp phục vụ ngành công nghiệp và xây dựng dân dụng; dịch vụ khoa học công nghệ, du lịch, khách sạn, nhà hàng, văn phòng, vận tải, du lịch lữ hành trong nước; tư vấn thiết kế dịch vụ đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng, dịch vụ ăn uống bình dân, dịch vụ vui chơi giải trí, thể dục thể thao; đại lý bán vé máy bay và đại lý bưu chính viễn thông;
  - Kinh doanh tài chính; hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác;
  - Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp và đô thị; kinh doanh bất động sản; kinh doanh phát triển nhà, khu công nghiệp, đô thị; cho thuê nhà xưởng, nhà ở, văn phòng; đầu tư kinh doanh bưu chính viễn thông;
  - Tổ chức hội chợ triển lãm, biểu diễn thời trang trong và ngoài nước; xuất bản, in ấn; và
  - Đầu tư ra nước ngoài; làm đại diện cho các công ty nước ngoài tại Việt Nam.
2. Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, các công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác.

#### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Các đặc điểm hoạt động có ảnh hưởng lớn đến báo cáo tài chính hợp nhất**

Tập đoàn Dệt May Việt Nam trở thành công ty cổ phần từ ngày 29 tháng 1 năm 2015, ngày được cấp Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu. Tuy nhiên, theo Công văn số 2917/BCT-TC ngày 25 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công thương về việc quyết toán cổ phần hóa Tập đoàn Dệt May Việt Nam, Bộ Công thương đã chấp thuận cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam chọn ngày 31 tháng 12 năm 2014 là thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Do vậy, kỳ kế toán đầu tiên sau khi chuyển đổi sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam được bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015. Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”) và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”) do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng các nguyên tắc sau trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất:

- Đối với bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh có liên quan, toàn bộ số dư tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu kế thừa của công ty nhà nước trước khi chuyển đổi được ghi nhận là số dư đầu kỳ của công ty cổ phần và được trình bày trong cột số đầu kỳ tại ngày 1 tháng 1 năm 2015; và
- Đối với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan, cột kỳ này trình bày số liệu kể từ thời điểm chuyển đổi ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến cuối kỳ báo cáo đầu tiên, ngày 31 tháng 12 năm 2015. Theo quy định của Thông tư 200, cột kỳ trước trình bày số liệu lũy kế kể từ đầu năm báo cáo đến thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu. Tuy nhiên, do thời điểm chuyển đổi hình thức sở hữu trùng với ngày đầu kỳ của kỳ kế toán đầu tiên, để đảm bảo nguyên tắc có thể so sánh và nhất quán, số liệu so sánh được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh có liên quan là số liệu của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(e) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 55 công ty con và 37 công ty liên kết (1/1/2015: 59 công ty con và 40 công ty liên kết).

Chi tiết các công ty con và công ty liên kết của Tập đoàn đã được hạch toán trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 như sau:

<b>Loại công ty</b>	<b>Số lượng đơn vị</b>	<b>Tham chiếu</b>
Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	16	Xem phụ lục 1
Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất	39	Xem phụ lục 2
	<hr/> 55	
Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất.	36	Xem phụ lục 3
Các công ty liên kết của Tập đoàn không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất do không trọng yếu.	1	Xem phụ lục 4
	<hr/> 92	

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn có 36.674 nhân viên (1/1/2015: 35.868 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp. Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Cùng ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Thông tư 202 thay thế cho các hướng dẫn trước đây trong phần XIII Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 cũng có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200 và Thông tư 202. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Tập đoàn và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày trong các thuyết minh báo cáo tài chính sau đây:

- Cơ sở hợp nhất (Thuyết minh số 4(a));
- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(b)); và
- Lợi thế thương mại (Thuyết minh số 4(n)).

### **4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở hợp nhất**

##### **(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

#### **(iii) Mất quyền kiểm soát**

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn, phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

#### **(iv) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

#### **(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết này.

#### **(vi) Hợp nhất kinh doanh**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.



## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền mặt và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Tập đoàn gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả: dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

#### **(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

#### **(d) Các khoản đầu tư**

##### **(i) Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

##### **(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá.

##### **(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

#### **(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

#### **(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(g) Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

***Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát***

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát được Tập đoàn ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất theo các nội dung sau:

- Giá trị tài sản góp vốn liên doanh mà Tập đoàn hiện sở hữu;
- Các khoản nợ phải trả mà Tập đoàn phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ của liên doanh; và
- Các khoản chi phí Tập đoàn phải gánh chịu.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí bảo dưỡng và đại tu, ngoại trừ chi phí sửa chữa lớn được ghi nhận vào chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 4(m)(vii)) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 5 – 50 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 12 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 10 năm |
| ▪ tài sản khác           | 4 – 10 năm |

**(i) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 4(h).







**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá là quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp và có thời hạn không xác định, được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tồn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

**(l) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(m) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Chi phí trước hoạt động**

Chi phí trước hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, ngoại trừ chi phí thành lập, chi phí đào tạo, quảng cáo, khuyến mại phát sinh từ ngày thành lập cho tới ngày bắt đầu hoạt động. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn, được phản ánh theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh.

**(ii) Chi phí đất trả trước**

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định (“Thông tư 45”), và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

**(iii) Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước**

Chi phí thuê văn phòng và nhà máy trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

**(iv) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(v) Lợi thế kinh doanh**

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam và một số công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

**(vi) Phụ tùng thay thế**

Phụ tùng thay thế được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 5 năm.

**(vii) Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định**

Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định bao gồm các chi phí chủ yếu phát sinh theo chu kỳ trong thời gian sử dụng tài sản. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**(viii) Chi phí trả trước dài hạn khác**

Chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 2 đến 3 năm.

**(n) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và công ty liên kết. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Tập đoàn xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được gộp trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2015, lợi thế thương mại trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, do áp dụng Thông tư 202, lợi thế thương mại trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết không được tiếp tục phân bổ nữa.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố. Sự thay đổi chính sách kế toán này không có ảnh hưởng đáng kể đến lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(p) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(q) Trái phiếu phát hành**

*Trái phiếu thường*

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành.

**(r) Vốn cổ phần**

*Cổ phiếu phổ thông*

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(s) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(t) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Dịch vụ gia công**

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi hàng hoá được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iv) Doanh thu bán bất động sản**

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu. Việc chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích được xác định tại thời điểm bán hoặc hoàn thành bàn giao bất động sản, tùy theo thời điểm nào muộn hơn.

**(v) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(vi) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(vii) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(u) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(v) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(w) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (được xác định sau khi trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng.

**(x) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

**(y) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan bao gồm các công ty liên kết của Tập đoàn.

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **5. Số liệu so sánh**

### **(a) Định giá lại các khoản đầu tư tài chính**

Trong năm, căn cứ vào Công văn số 17623/BTC-TCDN ngày 26 tháng 11 năm 2015 về việc xử lý tồn tại tài chính tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (“Công văn 17623”), trong đó, Bộ Tài chính hướng dẫn Tập đoàn Dệt May Việt Nam thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính, đầu tư chứng khoán đã xác định trong giá trị doanh nghiệp cổ phần hóa tại thời điểm chính thức chuyển thành công ty cổ phần, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã thực hiện định giá lại các khoản đầu tư tài chính dài hạn và điều chỉnh lại số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được điều chỉnh để phản ánh các thay đổi do việc xác định lại giá trị các khoản đầu tư nói trên, cụ thể như sau:

- tổng phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư được ghi tăng các khoản phải trả dài hạn khác do căn cứ vào Công văn 17623, Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ phải nộp phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư này về Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận được tiền chuyển nhượng các khoản đầu tư hoặc không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ngày 31 tháng 5 năm 2015 trong trường hợp các khoản đầu tư này chưa được chuyển nhượng; và
- phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết được trình bày vào chỉ tiêu “Chênh lệch đánh giá lại tài sản” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo quy định của Thông tư 202.

### **(b) Các vấn đề khác**

Căn cứ vào Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật thuế để cổ phần hóa đối với Tập đoàn Dệt May Việt Nam ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Cục Thuế Thành phố Hà Nội, Tập đoàn Dệt May Việt Nam cũng điều chỉnh lại một số số liệu kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Thêm vào đó, như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Tập đoàn áp dụng Thông tư 200 và Thông tư 202. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 và Thông tư 202 về trình bày báo cáo tài chính.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh và phân loại lại nói trên được tổng hợp dưới đây:



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**Bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	1/1/2015 Theo báo cáo trước đây VND	Định giá lại các khoản đầu tư tài chính VND	Các điều chỉnh khác VND	1/1/2015 Đã điều chỉnh lại VND
Các khoản đầu tư ngắn hạn	587.022.721.287	-	(587.022.721.287)	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	31.668.726.240	31.668.726.240
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn	-	-	419.397.166.717	419.397.166.717
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	-	349.825.813.560	349.825.813.560
Phải thu ngắn hạn khác	763.853.027.960	-	(125.046.178.177)	638.806.849.783
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	230.945.472.305	-	(69.983.122)	230.875.489.183
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	30.648.915.861	-	(307.529.744)	30.341.386.117
Tài sản ngắn hạn khác	100.177.900.853	-	(87.541.091.924)	12.636.808.929
Phải thu dài hạn khác	591.000.000	-	503.975.658.594	504.566.658.594
Đầu tư vào các công ty liên kết	1.445.859.591.447	-	(1.929.038.857)	1.443.930.552.590
Đầu tư dài hạn khác	976.817.027.449	(7.996.284.920)	(508.895.022.594)	459.925.719.935
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(51.585.210.515)	11.488.460.489	-	(40.096.750.026)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn	-	-	4.919.364.000	4.919.364.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	97.169.983.153	-	(4.048.499)	97.165.934.654
Chi phí phải trả ngắn hạn	211.504.636.856	-	(28.460.160.000)	183.044.476.856
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	-	-	9.495.875.465	9.495.875.465
Phải trả ngắn hạn khác	1.017.599.148.343	-	(3.998.235.737)	1.013.600.912.606
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	129.900.455.110	-	(510.000.000)	129.390.455.110
Chi phí phải trả dài hạn	-	-	28.460.160.000	28.460.160.000
Phải trả dài hạn khác	85.861.992.751	422.123.160.961	(995.341.166)	506.989.812.546
Vốn khác của chủ sở hữu	386.138.029.836	-	384.096.163.209	770.234.193.045
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	(425.364.156)	(418.630.985.392)	(384.096.163.209)	(803.152.512.757)
Quỹ đầu tư phát triển	308.448.738.185	-	80.071.211.315	388.519.949.500
Quỹ dự phòng tài chính	80.071.211.315	-	(80.071.211.315)	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	212.848.004.910	-	(5.013.086.657)	207.834.918.253

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **6. Báo cáo bộ phận**

### **Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Công nghiệp dệt may: sản xuất, kinh doanh nguyên vật liệu, vật tư, thiết bị, phụ tùng, phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may; sản xuất kinh doanh hàng dệt may gồm các chủng loại xơ, sợi, vải, hàng may mặc, dệt kim, chỉ khâu, khăn bông len, thảm, dây tơ, tơ tằm, vải tơ tằm, vải kỹ thuật, vải không dệt, vải trang trí nội thất;
- Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại: hàng dệt may, thiết bị phụ tùng ngành dệt may; phụ liệu, hóa chất, thuốc nhuộm; hàng công nghệ thực phẩm; nông, lâm, hải sản; thủ công mỹ nghệ; ô tô, xe máy; thiết bị âm thanh, ánh sáng; thiết bị tạo mẫu thời trang; phương tiện vận tải, vật liệu điện, điện tử, phần mềm và thiết bị tin học, cao su; nước uống dinh dưỡng và mỹ phẩm các loại; phụ tùng, máy móc, thiết bị phục vụ công nghiệp; dụng cụ quang học, hệ thống kiểm tra đo lường phục vụ công tác thí nghiệm; phế liệu và thành phẩm sắt, thép và kim loại màu; kinh doanh quần áo và trang thiết bị bảo hộ lao động và các mặt hàng tiêu dùng khác; và
- Kinh doanh tài chính: hoạt động tài chính, chứng khoán, dịch vụ tài chính khác.

Tập đoàn Dệt May Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may		Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại		Kinh doanh tài chính		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND	2015 VND	2014 VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	11.692.392.067.397	10.937.622.515.743	2.471.890.511.917	2.082.463.021.990	-	23.148.181.222	995.870.647.255	417.289.355.916	(46.004.822.523)	-	15.114.148.404.046	13.460.523.074.871
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	2.858.899.299.301	2.211.216.097.541	160.360.785.122	259.030.703.005	-	20.213.136.403	96.045.669.634	104.626.099.776	(3.115.305.754.057)	(2.595.086.036.725)	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ của bộ phận	14.551.291.366.698	13.148.838.613.284	2.632.251.297.039	2.341.493.724.995	-	43.361.317.625	1.091.916.316.889	521.915.455.692	(3.161.310.576.580)	(2.595.086.036.725)	15.114.148.404.046	13.460.523.074.871
Phần lãi trong công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	498.259.938.877	378.428.504.000
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	629.846.344.008	420.968.242.369	(50.520.560.239)	(185.105.904.471)	-	24.504.458.379	(27.399.860.519)	303.940.153	23.597.934.661	(15.211.390.760)	575.523.857.911	245.459.345.670
Thu nhập khác	169.565.035.771	260.171.503.175	4.433.849.031	11.871.950.265	-	3.739.925.127	159.408.527.939	3.876.793.026	(117.410.777.884)	85.214.705.307	215.996.634.857	364.874.876.900
Chi phí khác	(118.432.368.366)	(147.923.232.959)	(2.095.833.527)	(3.664.522.510)	-	(430.077.942)	(106.575.852.180)	(1.481.532.931)	62.844.897.658	73.461.755.979	(164.259.156.415)	(80.037.610.363)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	(58.536.307.603)	(36.831.599.623)	(1.354.900.157)	(1.756.110.347)	-	(6.156.546.233)	(4.865.549.715)	(2.793.401.310)	-	-	(64.756.757.475)	(47.537.657.513)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.838.679.008	(2.639.140.096)	-	-	-	-	-	20.740.995	(32.383.849.563)	(15.556.263.278)	(30.545.170.555)	(18.174.662.379)
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế	624.281.382.818	493.745.772.866	(49.537.444.892)	(178.654.587.063)	-	21.657.759.331	20.567.265.525	(73.460.067)	(63.351.795.128)	127.908.807.248	531.959.408.323	464.584.292.315



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Công nghiệp dệt may		Xuất khẩu, nhập khẩu và kinh doanh thương mại		Kinh doanh tài chính		Các hoạt động khác		Loại trừ		Hợp nhất	
	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại		Đã điều chỉnh lại	
Tài sản của bộ phận	17.832.356.096.959	17.127.366.937.434	1.012.826.749.528	1.457.262.950.202	-	687.056.001.367	2.403.807.055.671	1.926.548.200.765	(4.087.167.336.319)	(4.861.250.768.951)	17.161.822.565.839	16.336.983.320.817
Khoản đầu tư vào công ty liên kết	1.544.370.146.634	1.383.471.237.739	28.089.720.000	412.560.000	-	-	307.875.000	88.700.000.000	75.913.292.817	(28.653.245.149)	1.648.681.034.451	1.443.930.552.590
<b>Tổng tài sản</b>	<b>19.376.726.243.593</b>	<b>18.510.838.175.173</b>	<b>1.040.916.469.528</b>	<b>1.457.675.510.202</b>	<b>-</b>	<b>687.056.001.367</b>	<b>2.404.114.930.671</b>	<b>2.015.248.200.765</b>	<b>(4.011.254.043.502)</b>	<b>(4.889.904.014.100)</b>	<b>18.810.503.600.290</b>	<b>17.780.913.873.407</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>10.022.097.667.559</b>	<b>10.554.198.738.766</b>	<b>1.284.815.706.866</b>	<b>1.277.543.567.275</b>	<b>-</b>	<b>97.322.353.715</b>	<b>1.796.090.116.611</b>	<b>1.382.699.504.151</b>	<b>(1.625.411.212.994)</b>	<b>(2.063.411.689.205)</b>	<b>11.477.592.278.042</b>	<b>11.248.352.474.702</b>
	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi tiêu vốn	1.963.396.768.724	1.101.084.038.151	53.029.326.518	32.848.063.014	-	-	217.198.106.640	97.122.720.300	(66.065.644.982)	(72.154.122.671)	2.167.558.556.900	1.158.900.698.794
Khấu hao tài sản cố định hữu hình	511.728.723.005	426.495.175.498	12.195.463.001	22.907.792.947	-	763.082.448	37.998.513.672	32.301.971.464	(9.870.426.093)	(19.437.394.888)	552.052.273.585	463.030.627.469
Khấu hao tài sản cố định hữu hình thuộc tài chính	7.890.852.739	5.467.333.379	-	-	-	-	-	-	-	-	7.890.852.739	5.467.333.379
Khấu hao tài sản cố định vô hình	3.505.197.434	1.175.254.728	75.242.562	228.243.345	-	194.619.436	2.350.100.396	2.342.379.940	(2.283.218.434)	-	3.647.321.958	3.940.497.449
Khấu hao bất động sản đầu tư	1.055.630.448	884.685.199	127.523.401	989.725	-	-	1.861.383.465	771.078.922	-	-	3.044.537.314	1.656.753.846

## **Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## **7. Hợp nhất kinh doanh**

### **(a) Mất quyền kiểm soát tại các công ty con**

Căn cứ vào Công văn số 108/VPCP-ĐMDN ngày 7 tháng 1 năm 2014 của Văn phòng Chính Phủ, Công văn số 2645/BCT-CNN ngày 3 tháng 4 năm 2014 của Bộ Công Thương và Nghị quyết số 15/NQ-TĐDMVN ngày 17 tháng 4 năm 2013 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc phê duyệt phương án thoái vốn đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam tại Công ty Tài chính Cổ phần Dệt May, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn tại Công ty Cổ phần Tài chính Dệt May.

Căn cứ vào Công văn số 580/VPCP-ĐMDN ngày 23 tháng 1 năm 2015 của Văn phòng Chính Phủ, Công văn số 2530/BCT-TC ngày 11 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công Thương và Nghị quyết số 06/NQ-TĐDMVN ngày 7 tháng 4 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dệt May Việt Nam về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của Tập đoàn Dệt may Việt Nam tại Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ vốn đầu tư của Tập đoàn tại Công ty TNHH Một thành viên Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam.

Trong năm, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam (“Vinatex ITC”) đã sáp nhập với một đơn vị khác để tăng vốn cổ phần đăng ký, qua đó tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại Vinatex ITC giảm từ 53,89% xuống còn 48,80%. Vinatex ITC trở thành công ty liên kết của Tập đoàn. Đồng thời, Tập đoàn cũng mất quyền kiểm soát với 3 công ty con cấp 2 khác, là các công ty con của Vinatex ITC (xem Phụ lục 5).

Các giao dịch này có ảnh hưởng tới tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày mất quyền kiểm soát như sau:

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị ghi sổ tại thời điểm mất quyền kiểm soát VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	155.080.603.475
Đầu tư tài chính ngắn hạn	146.108.596.506
Các khoản phải thu ngắn hạn	837.402.459.072
Hàng tồn kho	253.699.725.435
Tài sản ngắn hạn khác	26.348.775.773
Các khoản phải thu dài hạn	3.000.000
Tài sản cố định	240.197.690.707
Bất động sản đầu tư	16.045.142.952
Tài sản dở dang dài hạn	127.727.285.278
Đầu tư tài chính dài hạn	222.766.414.042
Tài sản dài hạn khác	174.441.173.430
Nợ ngắn hạn	(766.222.524.831)
Nợ dài hạn	(302.762.166.027)
<b>Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được</b>	<b>1.130.836.175.812</b>
Ghi giảm lợi ích cổ đông không kiểm soát	(384.971.084.612)
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá phí khoản đầu tư của các công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày mất quyền kiểm soát	(76.894.786.080)
<b>Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn trước khi mất quyền kiểm soát</b>	<b>668.970.305.120</b>
Lợi thế thương mại chưa được phân bổ tại ngày mất quyền kiểm soát	3.386.651.399
Khoản chênh lệch tăng khi xác định lại giá trị khoản đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam vào công ty con cho mục đích cổ phần hóa	54.386.931.715
Lãi thuần do mất quyền kiểm soát tại công ty con	17.090.303.083
<b>Giá thanh lý</b>	<b>743.834.191.317</b>
Phần sở hữu của Tập đoàn trong giá phí khoản đầu tư của các công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày mất quyền kiểm soát	(25.119.436.523)
Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn sau khi mất quyền kiểm soát	(113.348.901.096)
Khoản tiền đã nhận đặt cọc trong năm trước liên quan đến việc chuyển nhượng vốn tại công ty con	(219.208.552.560)
Tiền thu được từ thoái vốn	386.157.301.138
Khoản tiền giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(155.080.603.475)
<b>Khoản tiền thuần thu được do mất quyền kiểm soát tại công ty con</b>	<b>231.076.697.663</b>

Lãi hoặc lỗ phát sinh do mất quyền kiểm soát tại các công ty con được hạch toán vào tài khoản doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính tương ứng trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Thuyết minh 38 và 39).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Hợp nhất công ty con mới trong năm**

Trong năm, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn là Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đã mua thêm 134.712 cổ phiếu tại Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex (“Hanosimex - HĐT”), một công ty liên kết của Tập đoàn trong năm trước, với giá mua là 6.736 triệu VND, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này từ 42,87% lên 53,23%. Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex trở thành công ty con cấp 2 của Tập đoàn. Đồng thời, Tập đoàn cũng nắm quyền kiểm soát với Công ty TNHH Một thành viên Hà Đông Hà Nam, một công ty con của Hanosimex - HĐT.

Giao dịch này ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Tập đoàn tại ngày nắm quyền kiểm soát với các công ty con nêu trên như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ tại ngày nắm quyền kiểm soát VND</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	52.691.483.183
Các khoản phải thu ngắn hạn	11.702.807.438
Hàng tồn kho	19.924.141.249
Tài sản ngắn hạn khác	33.549.317.552
Tài sản cố định	110.170.016.097
Đầu tư tài chính dài hạn	12.307.875.000
Tài sản dài hạn khác	22.474.506.551
Nợ ngắn hạn	(69.245.611.442)
Nợ dài hạn	(90.097.163.128)
	<hr/>
Tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	103.477.372.500
	<hr/>
Phần tài sản thuần thuộc Tập đoàn tại ngày nắm quyền kiểm soát	31.713.983.055
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào Hanosimex - HĐT tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty này	(38.985.406.946)
Phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào Hanosimex - HĐT tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát	5.532.053.208
Phần sở hữu của Tập đoàn trong giá phí khoản đầu tư của Hanosimex - HĐT vào Công ty TNHH Một thành viên Hà Đông Hà Nam tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát	(3.677.787.592)
Lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất công ty con mới (Thuyết minh 22)	12.152.758.275
	<hr/>
Giá mua phần sở hữu tăng thêm tại Hanosimex - HĐT	6.735.600.000
Khoản tiền thu được	(52.691.483.183)
	<hr/>
Khoản tiền thu được thuần	(45.955.883.183)

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Giao dịch hợp nhất kinh doanh khác**

Trong năm, một cổ đông của Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức (“Công ty PPDT”), một công ty liên kết của Tập đoàn trong năm trước, đã thoái toàn bộ vốn. Công ty PPDT đã điều chỉnh lại vốn cổ phần theo số vốn góp của các cổ đông còn lại, qua đó nâng tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại công ty này từ 50,00% lên 57,47%, thông qua quyền biểu quyết trực tiếp của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú và Vinatex ITC. Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức trở thành công ty con của Tập đoàn. Sau đó, do Tập đoàn mất quyền kiểm soát tại Vinatex ITC, tỷ lệ biểu quyết của Tập đoàn tại PPDT giảm xuống còn 40,00%. PPDT đã trở thành một công ty liên kết của Tập đoàn theo đó. Do các giao dịch của PPDT trong giai đoạn Tập đoàn nắm quyền kiểm soát với công ty này không trọng yếu, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, Tập đoàn Dệt May Việt Nam đã áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hợp nhất các số liệu có liên quan của PPDT cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	11.013.721.700	22.005.932.394
Tiền gửi ngân hàng	579.320.249.799	437.458.453.162
Các khoản tương đương tiền	1.882.098.941.756	2.085.255.109.940
	2.472.432.913.255	2.544.719.495.496

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm 161 tỷ VND (1/1/2015: 232 tỷ VND) đã được dùng để thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2015			1/1/2015		
	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Cổ phiếu</b>			<b>Dự phòng giảm giá VND</b>			<b>Dự phòng giảm giá VND</b>
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam (i)	-	-	-	503.300	10.245.333.720	(2.383.093.720)
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhà và Phát triển Đô thị Nha Trang (i)	-	-	-	1.000.000	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Thủ Đức (i)	-	-	-	321.440	10.131.535.520	-
Các cổ phiếu khác		60.000.000	-		1.291.857.000	-
		<b>60.000.000</b>	<b>(*)</b>		<b>31.668.726.240</b>	<b>(*)</b>
			<b>-</b>			<b>(2.383.093.720)</b>

(i) Tập đoàn đã bán toàn bộ các khoản đầu tư này trong năm.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn (i)	301.060.832.500	301.060.832.500	419.397.166.717	419.397.166.717
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	5.000.000		2.000.000.000	
▪ Trái phiếu		-	2.919.364.000	
	5.000.000	(*)	4.919.364.000	(*)

(i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4,8% đến 8,0% (2014: từ 5,0% đến 8,0%) một năm.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2015				1/1/2015			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND Đã điều chỉnh lại	Giá trị hợp lý VND
<b>Công ty liên kết</b>								
▪ Tổng Công ty May 10 - Công ty Cổ phần	35,51%	35,51%	71.045.689.154		35,51%	35,51%	62.753.824.310	
▪ Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiên	47,88%	47,88%	476.973.216.273		47,88%	47,88%	306.063.878.852	
▪ Tổng Công ty Việt Thắng - Công ty Cổ phần	46,93%	46,93%	250.654.985.697		46,93%	46,93%	223.707.752.253	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo	27,00%	27,00%	43.244.547.421		27,00%	27,00%	34.880.678.417	
▪ Công ty Cổ phần May Nhà Bè	27,69%	27,69%	89.435.414.291		27,69%	27,69%	86.300.037.825	
▪ Công ty Cổ phần May Đức Giang	36,79%	36,79%	52.354.760.191		36,79%	36,79%	38.239.219.272	
▪ Công ty Cổ phần May Hưng Yên	35,01%	35,01%	80.385.635.337		36,28%	36,28%	71.321.740.126	
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	30,00%	85.854.704.421		30,00%	30,00%	85.346.535.875	
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	12,75%	25,00%	28.878.436.808		12,75%	25,00%	28.911.696.032	
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	20,40%	40,00%	38.262.311.562		20,40%	40,00%	34.026.565.216	
▪ Công ty TNHH Đầu tư Phúc Thịnh Đức			-		12,32%	29,45%	60.061.243.893	
▪ Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	35,65%	151.764.323.142		18,18%	35,65%	74.501.674.130	
▪ Các khoản đầu tư tại công ty liên kết khác			279.827.010.154				337.815.706.389	
			<b>1.648.681.034.451</b>	<b>(*)</b>			<b>1.443.930.552.590</b>	<b>(*)</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	31/12/2015					1/1/2015				
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ VND Đã điều chỉnh lại	Dự phòng VND Đã điều chỉnh lại	Giá trị hợp lý VND
<b>Đơn vị khác</b>										
<i>Các khoản đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường</i>										
▪ Ngân hàng TMCP Quốc Dân (**)	3,65%	3,65%	74.767.938.000	(12.424.672.050)	62.343.265.950	3,65%	3,65%	74.767.938.000	-	74.767.938.000
▪ Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	-	-	-	(*)	0,02%	0,02%	2.530.498.318	-	(*)
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	(*)	0,01%	0,01%	1.348.555.000	-	(*)
<i>Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu khác</i>										
▪ Công ty Cổ phần TCE VINA DENIM	6,09%	6,09%	19.583.559.975	-	(*)	8,59%	8,59%	19.583.559.975	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Nam Hà Nội	0,54%	0,65%	20.000.000.000	-	(*)	1,65%	2,00%	40.231.395.003	-	(*)
▪ Công ty Cổ phần Thông Đức	-	-	-	-	(*)	12,16%	12,16%	49.600.000.000	(21.199.889.210)	(*)
▪ Công ty Cổ phần cho thuê máy bay Việt Nam	1,95%	3,83%	53.163.455.345	-	(*)	1,95%	3,83%	53.163.455.345	-	(*)
▪ Các khoản đầu tư khác			202.693.027.297	(14.357.460.486)	(*)			218.700.318.294	(18.896.860.816)	(*)
			<b>371.556.535.617</b>	<b>(26.782.132.536)</b>				<b>459.925.719.935</b>	<b>(40.096.750.026)</b>	



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (\*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (\*\*) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Quốc Dân được xác định bằng cách tham chiếu giá đóng cửa được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn có tổng giá trị ghi sổ là 131 tỷ VND (1/1/2015: 93 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay của Tập đoàn.

Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND Đã điều chỉnh lại</b>
Số dư đầu năm	1.443.930.552.590	1.434.541.710.408
Tăng trong năm	40.563.463.012	1.969.504.425
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	307.875.000	450.706.222.695
Lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	498.259.938.877	378.428.504.000
Cổ tức được chia	(290.785.546.816)	(274.994.820.682)
Thanh lý các công ty liên kết	(19.935.420.802)	(2.825.744.135)
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát các công ty liên kết này	(38.985.406.946)	(588.290.491.064)
Tăng do sáp nhập một công ty liên kết với các công ty con của công ty liên kết này	-	61.496.489.299
Tăng do một công ty con chuyển thành công ty liên kết (Thuyết minh 7(a))	113.348.901.096	-
Giảm do mất quyền kiểm soát các công ty con cấp 1	(106.064.726.300)	-
Khác	8.041.404.740	(17.100.822.356)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>1.648.681.034.451</b>	<b>1.443.930.552.590</b>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (*)	209.139.075.780	227.644.067.099
Phải thu các khách hàng khác	2.029.084.395.330	2.002.573.446.451
	<u>2.238.223.471.110</u>	<u>2.230.217.513.550</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, các khoản phải thu khách hàng có giá trị số là 287 tỷ VND (1/1/2015: 320 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

(\*) Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng là các bên liên quan như sau:

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	477.511.086	62.175.160.856
Công ty Cổ phần Phát triển Nhà Phong Phú – Daewon – Thủ Đức	67.594.248.784	67.946.666.235
Công ty TNHH Coats Phong Phú	75.512.228.353	60.251.895.322
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	57.514.995.089	20.424.674.713
Các công ty liên quan khác	8.040.092.468	16.845.669.973
	<u>209.139.075.780</u>	<u>227.644.067.099</u>

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**11. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
<b>Phải thu về cho vay từ các công ty liên quan</b>		
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú	106.300.000.000	111.127.094.862
▪ Các công ty liên quan khác	20.000.000.000	2.446.998.902
<b>Phải thu về cho vay từ các công ty khác</b>		
▪ Công ty Tài chính TNHH Một thành viên Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	68.888.460.000	-
▪ Các công ty khác	6.690.708.302	236.251.719.796
	<u>201.879.168.302</u>	<u>349.825.813.560</u>

Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn hưởng lãi suất dao động từ 0% đến 10,5% (2014: từ 0% đến 10,5%) một năm.



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***12. Phải thu khác****(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại
Phải thu về cổ phần hóa	6.214.145.701	6.490.327.215
Phải thu cổ tức và lợi nhuận được chia	303.008.898.091	300.866.750.248
Phải thu lãi cho vay	57.878.261.322	36.199.286.761
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	9.146.683.835	381.992.957
Phải thu các khoản tạm ứng	18.588.317.187	32.040.343.843
Phải thu cho mượn tài sản, nguyên vật liệu	17.379.259.439	12.886.965.561
Phải thu người lao động	1.354.500.000	2.526.930.162
Ký cược, ký quỹ	97.234.000.000	71.720.641.321
Các khoản chi hộ	15.618.412.969	7.574.710.448
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú khoản vốn đã góp vào Dự án Đồng Mai	57.500.000.000	57.500.000.000
Đặt cọc tại Ban Quản lý Dự án Khu kinh tế Chân Mây - Lăng Cô	19.000.000.000	19.000.000.000
Phải thu Công ty TNHH Phước Phát tiền chuyển nhượng vốn đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phong Vân	16.145.000.000	16.145.000.000
Phải thu tiền cho thuê đất trong Khu công nghiệp Dệt Ma Phổ Nổi B	6.894.350.323	2.475.685.417
Phải thu theo hợp đồng hợp tác kinh doanh từ Công ty TNHH Tài Tín	3.242.551.090	3.242.551.090
Phải thu Công ty Cổ phần Giao thông Hồng Lĩnh tiền chuyển nhượng dự án Lê Minh Xuân	1.300.000.000	1.300.000.000
Phải thu thuế giá trị gia tăng và thuế nhập khẩu được hoàn	41.170.983.708	5.188.261.680
Phải thu từ tiền phạt hợp đồng	2.919.583.333	-
Phải thu tiền chuyển nhượng tài sản trên đất cho Công ty Cổ phần Sợi Đông Phú	-	6.980.239.000
Phải thu tiền san lấp mặt bằng từ UBND Huyện Thăng Bình – Tỉnh Quảng Nam	-	2.377.507.018
Phải thu về hỗ trợ từ nhà cung cấp	-	24.750.378.756
Phải thu khác	59.018.848.188	29.159.278.306
	733.613.795.186	638.806.849.783

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát (i)	450.847.335.508	503.975.658.594
Phải thu tiền bồi thường đất từ Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương (tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam)	119.322.594.796	-
Ký quỹ ký cược dài hạn	7.324.227.712	-
Phải thu dài hạn khác	1.121.765.924	591.000.000
	<hr/> 578.615.923.940	<hr/> 504.566.658.594 <hr/>

(i) Đây là các khoản góp vốn của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú vào các hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát sau:

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Dự án HUD Sơn Trà	69.655.996.716	110.196.192.000
Dự án Khu Công nghiệp Đồng Mai	250.000.000.000	250.000.000.000
Dự án Khu nhà ở công nhân Phước Long B	92.607.870.584	92.607.870.584
Dự án Khu Công nghiệp Lê Minh Xuân	25.102.773.208	23.871.850.408
Dự án Trung tâm Thương mại Phước Long B	-	13.819.050.602
Dự án Trung Thủy	13.480.695.000	13.480.695.000
	<hr/> 450.847.335.508	<hr/> 503.975.658.594 <hr/>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***13. Nợ xấu và nợ khó đòi**

	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	31/12/2015 Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>				
Công ty TNHH ITG Phong Phú	Trên 3 năm	110.629.753.767	(110.629.753.767)	-
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 3 năm	37.543.029.312	(23.914.493.474)	13.628.535.838
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 2 năm	31.696.652.337	(15.748.326.169)	15.948.326.168
Khác		264.024.984.209	(175.651.143.267)	88.373.840.942
		443.894.419.625	(325.943.716.677)	117.950.702.948

*Trong đó:*Dự phòng phải thu khó  
đòi – ngắn hạn(325.943.716.677)

	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	1/1/2015 Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>				
Công ty TNHH ITG Phong Phú	Trên 2 năm	110.629.753.767	(24.609.799.777)	86.019.953.990
Công ty TNHH Dệt May Hoàng Anh	Trên 2 năm	39.802.978.139	(19.901.489.069)	19.901.489.070
Công ty Cổ phần Tập đoàn An Phát	Trên 1 năm	31.996.651.337	(9.598.995.401)	22.397.655.936
Khác		275.989.208.850	(139.785.335.766)	136.203.873.084
		458.418.592.093	(193.895.620.013)	264.522.972.080

*Trong đó:*Dự phòng phải thu khó  
đòi – ngắn hạn(193.895.620.013)

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***14. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	114.315.560.771	(647.394.977)	151.195.036.380	(2.163.722.151)
Nguyên vật liệu	910.446.852.856	(11.130.054.296)	750.868.259.111	(30.397.044.007)
Công cụ và dụng cụ	15.836.396.805	-	18.624.499.569	-
Sản phẩm dở dang	824.033.985.889	(1.233.146.756)	905.265.195.457	(671.994.222)
Thành phẩm	848.040.130.993	(27.161.964.642)	702.810.828.987	(20.823.615.135)
Hàng hóa	87.229.695.764	(486.095.980)	320.989.820.075	(48.919.859)
Hàng gửi đi bán	74.134.167.706	-	53.488.944.197	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	2.874.036.790.784	(40.658.656.651)	2.903.242.583.776	(54.105.295.374)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 895 tỷ VND (1/1/2015: 1.593 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 106 tỷ VND nguyên vật liệu, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, thành phẩm và hàng hóa (1/1/2015: 239 tỷ VND) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	2.607.449.534.300	6.086.500.518.467	237.568.834.435	71.288.083.296	79.190.874.930	9.081.997.845.428
Tăng trong năm	28.361.363.485	232.045.733.116	41.575.378.388	3.851.251.902	10.356.954.821	316.190.681.712
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	211.184.413.769	356.527.581.215	9.767.135.886	32.429.500	21.593.855.693	599.105.416.063
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	65.819.915.443	102.425.588.416	2.670.462.000	200.894.090	-	171.116.859.949
Nhận góp vốn bằng tài sản cố định	-	3.160.342.989	-	-	1.555.307.878	4.715.650.867
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(45.947.749.996)	-	-	-	-	(45.947.749.996)
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(4.529.195.782)	-	-	-	(4.529.195.782)
Thanh lý	(34.459.132.057)	(231.544.177.635)	(7.644.622.265)	(407.721.473)	(747.555.580)	(274.803.209.010)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(146.639.329.284)	(145.650.139.992)	(16.105.725.424)	(9.700.779.770)	(23.636.364)	(318.119.610.834)
Phân loại lại	(6.867.693.191)	(2.886.341.358)	(1.297.102.256)	550.022.709	10.501.114.096	-
Biến động khác	-	(4.640.844.307)	-	-	(109.034.545)	(4.749.878.852)
Số dư cuối năm	2.678.901.322.469	6.391.409.065.129	266.534.360.764	65.814.180.254	122.317.880.929	9.524.976.809.545



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	857.276.796.465	3.571.369.641.779	134.847.105.407	37.505.622.095	33.302.272.497	4.634.301.438.243
Khấu hao trong năm	113.337.821.032	396.542.498.944	24.009.064.204	6.777.605.838	11.385.283.567	552.052.273.585
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	868.568.906	58.592.806.907	1.431.420.508	54.047.531	-	60.946.843.852
Chuyển sang công cụ, dụng cụ	-	(4.528.511.206)	-	-	-	(4.528.511.206)
Thanh lý	(28.679.717.203)	(113.408.711.104)	(5.880.050.937)	(392.316.303)	(642.628.390)	(149.003.423.937)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(30.616.551.478)	(68.470.154.253)	(9.878.070.049)	(4.052.203.154)	(23.636.364)	(113.040.615.298)
Phân loại lại	(5.682.668.625)	(2.652.829.380)	-	(28.180)	8.335.526.185	-
Biến động khác	-	(3.029.075.113)	-	-	(14.537.936)	(3.043.613.049)
Số dư cuối năm	906.504.249.097	3.834.415.666.574	144.529.469.133	39.892.727.827	52.342.279.559	4.977.684.392.190
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu năm	1.750.172.737.835	2.515.130.876.688	102.721.729.028	33.782.461.201	45.888.602.433	4.447.696.407.185
Số dư cuối năm	1.772.397.073.372	2.556.993.398.555	122.004.891.631	25.921.452.427	69.975.601.370	4.547.292.417.355

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 1.675 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 1.235 tỷ VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9 tỷ VND (1/1/2015: 6 tỷ VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 3.733 tỷ VND (1/1/2015: 2.696 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***16. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	57.831.747.820
Tăng trong năm	20.037.403.056
	<hr/>
Số dư cuối năm	77.869.150.876
	<hr/>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	6.892.691.378
Khấu hao trong năm	7.890.852.739
	<hr/>
Số dư cuối năm	14.783.544.117
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu năm	50.939.056.442
Số dư cuối năm	63.085.606.759
	<hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***17. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	163.669.005.122	8.856.843.431	657.415.000	173.183.263.553
Tăng trong năm	-	3.789.704.084	-	3.789.704.084
Thanh lý	(502.139.500)	-	-	(502.139.500)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	221.250.000	-	221.250.000
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(36.028.096.714)	(991.815.000)	-	(37.019.911.714)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	42.000.000	-	42.000.000
Số dư cuối năm	127.138.768.908	11.917.982.515	657.415.000	139.714.166.423
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	14.808.110.881	6.698.599.402	577.979.074	22.084.689.357
Khấu hao trong năm	2.443.918.327	1.189.776.371	13.627.260	3.647.321.958
Thanh lý	(48.922.613)	-	-	(48.922.613)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(972.456.856)	(928.759.687)	-	(1.901.216.543)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	42.000.000	-	42.000.000
Số dư cuối năm	16.230.649.739	7.001.616.086	591.606.334	23.823.872.159
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm	148.860.894.241	2.158.244.029	79.435.926	151.098.574.196
Số dư cuối năm	110.908.119.169	4.916.366.429	65.808.666	115.890.294.264

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có các tài sản có nguyên giá 1 tỷ VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2015: 3 tỷ VND).



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***18. Bất động sản đầu tư**

	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
Bất động sản đầu tư cho thuê (a)	137.122.569.411	34.562.324.419
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá (b)	-	15.084.180.000
	<hr/> 137.122.569.411	<hr/> 49.646.504.419

**(a) Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa VND</b>	<b>Vật kiến trúc VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	35.785.233.723	21.158.444.620	56.943.678.343
Tăng trong năm	14.769.330.532	45.848.664.730	60.617.995.262
Chuyển từ tài sản cố định hữu hình	45.947.749.996	-	45.947.749.996
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(1.478.404.545)	-	(1.478.404.545)
	<hr/> 95.023.909.706	<hr/> 67.007.109.350	<hr/> 162.031.019.056
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	15.312.991.410	7.068.362.514	22.381.353.924
Khấu hao trong năm	1.404.914.533	1.639.622.781	3.044.537.314
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(517.441.593)	-	(517.441.593)
	<hr/> 16.200.464.350	<hr/> 8.707.985.295	<hr/> 24.908.449.645
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu năm	20.472.242.313	14.090.082.106	34.562.324.419
Số dư cuối năm	78.823.445.356	58.299.124.055	137.122.569.411

Bất động sản đầu tư cho thuê của Tập đoàn bao gồm:

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định là văn phòng cho thuê tại số 26, Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam;

## Tập đoàn Dệt May Việt Nam

### Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Bông Việt Nam là một số nhà kho và nhà xưởng tại Ấp Tân Thái, Xã Hồ Nai 3, Huyện Trảng Bom, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam;
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú là các căn hộ cho thuê tại Chung cư Nhân Phú, Số 26, Đường 7, Khu phố 3, Phường Tăng Nhơn Phú, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương Mại Dệt Nam Định là Nhà khách Dệt tại Phố Nguyễn Hiền và Phố Nguyễn Văn Trỗi, Thành phố Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam; và
- Bất động sản đầu tư cho thuê của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối là hệ thống cơ sở hạ tầng đường bộ, hệ thống cây xanh, mặt bằng tại Khu công nghiệp Dệt May Phố Nối B, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, bất động sản đầu tư cho thuê có giá trị còn lại là 55 tỷ VND (1/1/2015: Không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý cho các loại bất động sản đầu tư này.

#### (b) Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam trên khu đất Hòa Khánh Tây, Xã Hòa Khánh Tây, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An, Việt Nam. Trong năm 2015, Tập đoàn đã mất quyền kiểm soát Công ty này (Thuyết minh 7(a)).

## 19. Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015 VND	2014 VND
Số dư đầu năm	576.625.489.809	538.131.179.498
Tăng trong năm	1.788.666.441.645	586.922.430.783
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(599.105.416.063)	(582.582.364.384)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(221.250.000)	-
Chuyển (sang)/từ chi phí trả trước dài hạn	(45.074.818.401)	13.715.191.498
Tăng do hợp nhất công ty con mới	-	23.981.177.226
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	(127.727.285.278)	-
Thanh lý	(4.873.854.846)	(3.542.124.812)
Số dư cuối năm	1.588.289.306.866	576.625.489.809

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
▪ Công ty mẹ – Tập đoàn Dệt May Việt Nam		
• Nhà máy Sợi Nam Định	168.030.012.763	31.400.081.832
• Nhà máy Sợi Phú Cường	316.442.844.422	939.957.414
• Nhà máy Sản xuất Vải Yarn Dyed	262.300.252.185	14.741.438.311
• Nhà máy May Vinatex Kiên Giang	97.912.389.378	4.248.640.271
▪ Công ty TNHH Một thành viên Dệt 8-3		
• Nhà máy Kéo sợi Hưng Yên	186.568.117.361	925.413.692
▪ Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam		
• Trang trại trồng bông công nghệ cao Đăk Lăk	14.861.730.952	12.507.700.130
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Dệt May Phố Nối		
• Dự án Khu Công nghiệp Dệt May Phố Nối – Giai đoạn 2	261.453.868.980	310.532.092.545
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội		
• Nhà máy kéo sợi tại Khu Công nghiệp Đồng Văn	18.491.972.353	-
▪ Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam – Hanosimex		
• Công trình xây dựng Công ty TNHH Một thành viên Hà Nam Hanosimex	27.535.279.829	27.800.925.829
▪ Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định		
• Nhà máy Nhuộm và Nhà máy Động Lực	54.640.730.355	50.325.869.201
• Nhà máy Xử lý nước thải	18.079.166.479	17.929.766.685
• Dự án Khu Công nghiệp Hoà Xá	18.325.569.336	18.329.264.068
▪ Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam		
• Dự án khu nhà ở, trung tâm thương mại và siêu thị	51.980.925.381	51.753.304.415
▪ Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang		
• Nhà máy sản xuất vải dệt kim	80.745.818.139	-
Các công trình khác	10.920.628.953	35.191.035.416
	<hr/> <b>1.588.289.306.866</b>	<hr/> <b>576.625.489.809</b> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 300 tỷ VND (1/1/2015: 318 tỷ VND) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang tương đương 25 tỷ VND (2014: 19 tỷ VND).



20. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Trả trước phí bảo hiểm	2.285.000.733	2.325.427.193
Chi phí trả trước về thuê hoạt động	9.756.786.160	9.432.606.442
Công cụ dụng cụ	3.468.970.229	7.509.239.169
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	7.483.473.486	1.881.326.144
	<u>22.994.230.608</u>	<u>21.148.598.948</u>

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí trước hoạt động VND	Chi phí đất trả trước VND	Chi phí thuê văn phòng, nhà máy trả trước VND	Công cụ, dụng cụ VND	Lợi thế kinh doanh VND	Phụ tùng thay thế VND	Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	13.821.571.689	189.475.452.708	38.458.054.111	88.094.410.655	5.872.894.239	6.988.598.779	75.013.220.371	44.015.237.383	461.739.439.935
Tăng trong năm	-	5.570.589.345	51.847.363.035	96.595.533.458	-	8.888.827.472	8.230.058.726	27.933.591.725	199.065.963.761
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	43.993.353.522	-	-	-	1.081.464.879	45.074.818.401
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	22.391.120.572	-	-	-	-	-	83.385.979	22.474.506.551
Thanh lý	-	-	-	(794.045.364)	-	-	-	-	(794.045.364)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con	-	(4.978.654.735)	(31.669.590.176)	(19.768.385.076)	-	-	(61.484.526.318)	(21.632.508.818)	(139.533.665.123)
Phân bổ trong năm	(4.176.066.995)	(11.636.035.936)	(18.413.791.521)	(58.453.438.015)	(1.957.631.414)	(4.769.362.842)	(4.238.765.368)	(25.903.074.540)	(129.548.166.631)
Phân loại lại	-	-	-	91.527.360	-	(257.555.731)	(56.761.108)	222.789.479	-
Biến động khác	-	-	-	296.907.161	-	-	-	2.433.824.195	2.730.731.356
Số dư cuối năm	<u>9.645.504.694</u>	<u>200.822.471.954</u>	<u>40.222.035.449</u>	<u>150.055.863.701</u>	<u>3.915.262.825</u>	<u>10.850.507.678</u>	<u>17.463.226.303</u>	<u>28.234.710.282</u>	<u>461.209.582.886</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, không có khoản chi phí trả trước dài hạn nào được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (1/1/2015: 97 tỷ VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	<b>Thuế suất</b>	<b>31/12/2015 VND</b>	<b>1/1/2015 VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:</b>			
Tài sản cố định	20% - 22%	8.941.954.844	6.686.339.435
Các khoản mục khác	20% - 22%	3.876.703.689	16.921.016.052
<b>Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		<b>12.818.658.533</b>	<b>23.607.355.487</b>
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả:</b>			
Phải thu tiền đền bù, giải tỏa mặt bằng	20% - 22%	23.864.518.959	26.250.970.855
Các khoản mục khác	20% - 22%	22.142.925.497	-
<b>Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		<b>46.007.444.456</b>	<b>26.250.970.855</b>

**22. Lợi thế thương mại**

	<b>VND</b>
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm	45.032.112.563
Tăng trong năm (Thuyết minh 7)	12.152.758.275
Giảm do mất quyền kiểm soát với các công ty con (Thuyết minh 7)	(3.870.458.742)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>53.314.412.096</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	15.107.325.825
Khấu hao trong năm	5.434.520.359
Giảm do mất quyền kiểm soát với các công ty con (Thuyết minh 7)	(483.807.343)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>20.058.038.841</b>
<b>Giá trị ghi sổ</b>	
Số dư đầu năm	29.924.786.738
Số dư cuối năm	33.256.373.255

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***23. Phải trả người bán**

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
▪ Phải trả người bán là các bên liên quan (*)	105.936.935.422	61.426.464.203
▪ Phải trả người bán khác	1.097.554.622.574	1.270.036.565.630
	<hr/>	<hr/>
	1.203.491.557.996	1.331.463.029.833
	<hr/>	<hr/>
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>		
▪ Phải trả người bán khác	21.780.241.292	28.388.184.613
	<hr/>	<hr/>

(\*) Chi tiết các khoản phải trả người bán là các bên liên quan như sau:

	<b>Giá gốc và số có khả năng trả nợ</b>	
	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Coats Phong Phú	27.671.551.336	25.850.541.487
Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú	38.191.685.755	-
Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP	7.100.882.915	4.211.369.697
Tổng Công Ty May Nhà Bè – CTCP	24.236.373.310	20.036.891.243
Tổng Công ty May 10 - CTCP	2.823.799.815	-
Các công ty liên quan khác	5.912.642.291	11.327.661.776
	<hr/>	<hr/>
	105.936.935.422	61.426.464.203
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng từ 30 đến 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**24. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước**

**(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn/ bù trừ trong năm VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	31/12/2015 VND
<b>Các khoản thuế đã nộp cho Nhà nước sẽ được hoàn lại</b>					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.580.594.781	-	(2.763.304.689)	(3.870.841.580)	4.946.448.512
Thuế xuất nhập khẩu	6.712.754.084	27.522.406.275	(27.359.184.901)	(721.640.476)	6.154.334.982
Thuế nhà đất	-	306.216.500	(306.216.500)	-	-
Các loại thuế khác	4.470.217.234	24.954.232.199	(27.815.252.844)	-	1.609.196.589
<b>Các khoản khác phải thu Nhà nước</b>					
Các khoản khác	7.577.820.018	1.032.222.393	(2.516.842.315)	(4.423.545.202)	1.669.654.894
	30.341.386.117	53.815.077.367	(60.760.801.249)	(9.016.027.258)	14.379.634.977



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước**

	1/1/2015 VND Đã điều chỉnh lại	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm VND	Giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con VND	31/12/2015 VND
<b>Thuế</b>					
Thuế giá trị gia tăng	29.467.134.946	261.364.658.583	(265.949.727.939)	(2.198.069.039)	22.683.996.551
Thuế xuất nhập khẩu	2.146.199.898	25.340.652.757	(24.316.712.781)	-	3.170.139.874
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.053.478.020	64.756.757.475	(63.400.619.085)	(342.934.415)	17.066.681.995
Thuế thu nhập cá nhân	4.244.343.732	34.876.357.868	(28.729.147.432)	(388.802.973)	10.002.751.195
Thuế tài nguyên	84.286.602	517.912.459	(537.963.525)	-	64.235.536
Thuế nhà đất	14.563.350.000	36.107.162.408	(27.310.298.389)	-	23.360.214.019
Tiền thuê đất	29.378.724.776	45.593.079.577	(53.680.732.747)	-	21.291.071.606
Các loại thuế khác	1.052.148.565	8.789.311.344	(5.674.223.619)	-	4.167.236.290
<b>Các khoản phải nộp khác</b>					
Các khoản khác	176.268.115	94.353.875	(108.799.349)	-	161.822.641
	97.165.934.654	477.440.246.346	(469.708.224.866)	(2.929.806.427)	101.968.149.707

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Chi phí phải trả ngắn hạn****(a) Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí lãi vay	15.634.571.661	19.878.738.115
Phí dịch vụ chuyên môn, tư vấn	1.243.454.545	2.513.000.000
Chi phí hoạt động	19.544.661.980	3.805.999.037
Chi phí mua sắm tài sản cố định, xây dựng nhà xưởng	95.395.115.431	96.105.530.431
Chi phí thuê đất, nhà xưởng	18.274.379.066	10.016.189.382
Chi phí cải tạo, sửa chữa	15.709.968.145	8.836.362.023
Chi phí gia công thuê ngoài	1.151.606.813	1.772.887.460
Chi phí giải phóng mặt bằng	3.000.000.000	3.000.000.000
Phí hoa hồng	3.456.281.760	4.217.489.709
Chi phí giám sát	-	4.334.580.555
Chi phí phải trả khác	14.531.105.431	27.615.028.144
	<hr/>	<hr/>
	187.941.144.832	182.095.804.856
Chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	948.672.000	948.672.000
	<hr/>	<hr/>
	188.889.816.832	183.044.476.856

**(b) Chi phí phải trả dài hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Tiền thuê đất phải trả (*)	28.460.160.000	29.408.832.000
Chi phí phải trả khác	1.282.923.822	-
	<hr/>	<hr/>
	29.743.083.822	29.408.832.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(948.672.000)	(948.672.000)
	<hr/>	<hr/>
	28.794.411.822	28.460.160.000

(\*) Phản ánh số tiền thuê đất tại số 10 Nguyễn Huệ, Thành phố Hồ Chí Minh được điều chỉnh theo Báo cáo kiểm toán Công ty TNHH Tập đoàn Dệt May Việt Nam năm 2012 của Kiểm toán Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2013.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***26. Doanh thu chưa thực hiện****(a) Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phần doanh thu chưa thực hiện dài hạn sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	6.833.858.515	9.495.875.465

**(b) Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Doanh thu nhận trước	117.549.854.235	83.948.839.495
Phần doanh thu sẽ được thực hiện trong vòng 12 tháng	(6.833.858.515)	(9.495.875.465)
Phần doanh thu sẽ được thực hiện sau 12 tháng	110.715.995.720	74.452.964.030

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***27. Phải trả khác****(a) Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	23.019.880.593	28.668.576.864
Phải trả về cổ phần hóa	5.762.899.011	5.582.352.371
Nhận ký quỹ và ký cược ngắn hạn	363.875.746	6.418.762.746
Phải trả lãi vay cho Công ty Mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp	17.627.731.759	15.794.844.331
Phải trả lãi vay khác	27.011.838.070	21.867.988.492
Phải trả cổ tức	27.619.916.234	33.020.482.908
Quỹ từ thiện	3.551.073.470	3.716.601.527
Phải nộp Quỹ hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp	-	356.716.713.904
Lợi nhuận năm 2014 phải nộp Nhà nước	-	159.250.645.027
Vốn xây dựng cơ bản thuộc trách nhiệm của Tập đoàn cho các trường đào tạo thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng trường theo Quyết định số 16932/BTC-TCĐN	68.455.091.012	68.455.091.012
Tiền chi hộ còn thừa phải trả lại	4.672.021.554	-
Phải trả nhà nước tiền quyền sử dụng đất của Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Vinatex	-	9.165.589.394
Tiền thưởng phải trả cho nhân viên	14.984.617.189	11.344.842.177
Nhận đặt cọc theo hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại công ty con	-	219.208.552.560
Nhận hỗ trợ vốn cho Dự án di dời		
Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Nam Định	54.477.154.476	-
Các khoản phải trả khác	67.137.233.311	74.389.869.293
	<hr/>	<hr/>
	314.683.332.425	1.013.600.912.606
Phần phải trả dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	369.532.259.133	-
	<hr/>	<hr/>
	684.215.591.558	1.013.600.912.606



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Phải trả dài hạn khác**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp (*)	369.532.259.133	422.123.160.961
Nhận tiền góp vốn vào hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát	45.000.000.000	46.000.000.000
Nhận góp vốn dài hạn	9.776.000.000	27.832.366.273
Nhận ký quỹ ký cược dài hạn	-	8.368.302.268
Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác	663.098.840	2.665.983.044
	<hr/>	<hr/>
	424.971.357.973	506.989.812.546
Phần chi phí phải trả dài hạn đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(369.532.259.133)	-
	<hr/>	<hr/>
	55.439.098.840	506.989.812.546
	<hr/>	<hr/>

(\*) Khoản phải nộp Quỹ Hỗ trợ sắp xếp và phát triển doanh nghiệp liên quan đến phần giá trị tăng thêm do định giá lại các khoản đầu tư tài chính tại ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển đổi sang công ty cổ phần và sẽ phải trả trong vòng không quá 12 tháng kể từ ngày Tập đoàn Dệt May Việt Nam lập Báo cáo quyết toán tài chính để chính thức chuyển thành công ty cổ phần, ngày 31 tháng 5 năm 2015 (Thuyết minh 5(a)). Khoản phải trả dài hạn tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 đã được Tập đoàn Dệt May Việt Nam điều chỉnh lại để phản ánh nghĩa vụ phải trả này.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính****(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	3.540.025.807.328	3.540.025.807.328	13.574.749.570.892	(13.273.947.667.919)	3.840.827.710.301	3.840.827.710.301
Vay dài hạn đến hạn trả (b)(i)	355.374.503.464	355.374.503.464	524.867.685.503	(854.983.055.037)	25.259.133.930	25.259.133.930
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng	4.344.408.180	4.344.408.180	22.134.185.785	(8.107.751.541)	18.370.842.424	18.370.842.424
Nợ dài hạn khác đến hạn trả trong vòng 12 tháng	1.525.000.000	1.525.000.000	258.990.000	(1.525.000.000)	258.990.000	258.990.000
	<b>3.901.269.718.972</b>	<b>3.901.269.718.972</b>	<b>14.122.010.432.180</b>	<b>(14.138.563.474.497)</b>	<b>3.884.716.676.655</b>	<b>3.884.716.676.655</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong khoản vay ngắn hạn có 1,671 tỷ VND (1/1/2015: 2,103 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1,550 tỷ VND (1/1/2015: 2,745 tỷ VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 0% đến 10,0% một năm (năm 2014: từ 1,7% đến 12,0% một năm).

Các khoản vay ngắn hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 1,5% đến 10,5% một năm (năm 2014: từ 1,6% đến 12,0% một năm).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn (i)	3.730.641.728.608	3.076.254.382.763
Trái phiếu thường (ii)	500.000.000.000	500.000.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn	25.989.622.795	14.182.610.890
Nợ dài hạn khác	8.627.997.941	10.890.963.048
	<hr/>	<hr/>
	4.265.259.349.344	3.601.327.956.701
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(43.888.966.354)	(361.243.911.644)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	4.221.370.382.990	3.240.084.045.057

**(i) Vay dài hạn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, trong khoản vay dài hạn có 3.667 tỷ VND (1/1/2015: 2.649 tỷ VND) được đảm bảo bằng tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 4.012 tỷ VND (1/1/2015: 2.604 tỷ VND). Trong năm, các khoản vay này chịu lãi suất từ 3,0% đến 11,0% một năm (năm 2014: từ 3,0% đến 15,0% một năm).

Các khoản vay dài hạn còn lại là các khoản vay tín chấp và chịu lãi suất từ 3,0% đến 11,0% một năm (năm 2014: từ 3,0% đến 11,8% một năm).

**(ii) Trái phiếu thường**

	<b>Loại tiền</b>	<b>Lãi suất</b>	<b>Năm</b>	<b>31/12/2015</b>	<b>1/1/2015</b>
		<b>năm</b>	<b>đáo hạn</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	VND	10%	2019	500.000.000.000	500.000.000.000
				<hr/>	<hr/>
Trái phiếu đáo hạn sau 12 tháng				500.000.000.000	500.000.000.000

Trái phiếu thường được phát hành bởi Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú, một công ty con cấp 1 của Tập đoàn, thông qua Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Các trái phiếu thường này được đảm bảo bằng toàn bộ số cổ phần của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú tại các công ty con của công ty này là Công ty Cổ phần Dệt Đông Nam và Công ty Cổ phần Dệt May Nha Trang với tổng giá trị ghi sổ là 215 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 215 tỷ VND).

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***29. Các khoản dự phòng**

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	<b>Chi phí di dời VND</b>	<b>Khác VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
Số dư đầu năm	119.291.005.625	1.063.781.893	120.354.787.518
Dự phòng lập trong năm	-	4.717.381.547	4.717.381.547
Dự phòng sử dụng trong năm	(1.445.464.625)	-	(1.445.464.625)
Giảm do thanh lý công ty con	-	(473.055.672)	(473.055.672)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	(555.425.249)	(590.726.221)	(1.146.151.470)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>117.290.115.751</b>	<b>4.717.381.547</b>	<b>122.007.497.298</b>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>4.717.381.547</b>	<b>4.717.381.547</b>
<b>Dài hạn</b>	<b>117.290.115.751</b>	<b>-</b>	<b>117.290.115.751</b>
	<b>117.290.115.751</b>	<b>4.717.381.547</b>	<b>122.007.497.298</b>

Dự phòng chi phí di dời liên quan đến chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới.

**30. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Tập đoàn theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Tập đoàn. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND Đã điều chỉnh lại</b>
Số dư đầu năm	129.390.455.110	88.294.920.264
Trích lập trong năm	52.307.285.638	79.352.431.529
Tăng do hợp nhất công ty con mới	5.932.527.126	5.788.111.550
Sử dụng trong năm	(52.640.524.438)	(44.005.888.514)
Giảm do mất quyền kiểm soát với các công ty con	(1.711.155.440)	(39.119.719)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>133.278.587.996</b>	<b>129.390.455.110</b>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**31. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2014</b>	4.285.655.300.181	-	(352.215.444.819)	(425.364.156)	523.606.558.474	77.131.726.516	18.964.022.745	10.087.677.101	355.089.501.720	2.760.607.380	716.528.611.964	5.637.183.197.106	43.141.090.195	5.680.324.287.301
Tăng vốn góp do Ngân sách Nhà nước cấp vốn cho một công ty con	14.787.838.706	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	14.787.838.706	-	14.787.838.706
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	42.157.000.000	42.157.000.000	-	42.157.000.000
Biên đồng thuận của cổ phiếu quỹ	-	-	(623.074.667)	-	-	-	-	-	-	-	(363.222.262)	(986.296.929)	-	(986.296.929)
Vốn phát hành thêm để cổ phần hóa	-	-	730.315.739.393	-	-	-	-	-	-	-	-	730.315.739.393	-	730.315.739.393
Nguồn kinh phí nhân từ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	495.422.334	495.422.334	1.332.789.679	1.828.212.013
Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	1.482.977.152	(1.482.977.152)	-	-	-	-	-	-	-	-
Điều chuyển vốn/các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	3.117.899.915.820	-	152.794.376.495	464.584.292.315	-	464.584.292.315
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(40.148.133.270)	(40.148.133.270)	-	(40.148.133.270)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(65.706.131.243)	-	(13.646.300.286)	(79.352.431.529)	-	(79.352.431.529)
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	87.901.337.804	4.895.436.269	-	776.514.009	(93.573.288.082)	-	-	-	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(5.458.508.565)	(323.866.689)	(1.582.256.946)	-	-	-	(2.219.057.797)	(9.583.689.997)	(1.119.779.423)	(10.703.469.420)
Nộp ngân sách nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	(111.522.692.784)	-	-	(111.522.692.784)	-	(111.522.692.784)
Chuyển sang các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác – đã điều chỉnh lại	10.639.972.950	-	-	-	(349.762.123.458)	-	(17.594.563.396)	-	(159.250.645.027)	-	-	(515.967.358.931)	-	(515.967.358.931)
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do sáp nhập một công ty liên kết với các công ty con của công ty liên kết này	-	-	-	-	47.875.166.835	-	-	-	13.621.322.464	-	-	61.496.489.299	-	61.496.489.299
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(3.033.938.245)	(3.033.938.245)	-	(3.033.938.245)
Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong giá phi khoản đầu tư của công ty con cấp 1 vào công ty con cấp 2 tại ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát các công ty con cấp 1 này	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(202.623.976.500)	(202.623.976.500)	-	(202.623.976.500)
Giảm phần lợi ích cổ đông thiểu số tương ứng với phần sở hữu của các công ty con mà Tập đoàn nắm quyền kiểm soát trong năm tại các công ty con khác của Tập đoàn	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(21.062.279.263)	(21.062.279.263)	-	(21.062.279.263)
Chênh lệch phát sinh khi Tập đoàn tăng tỷ lệ sở hữu tại một công ty con nhưng không thay đổi quyền kiểm soát đối với công ty con này	-	-	-	-	-	-	-	-	(31.777.582.926)	-	(90.363.217.074)	(122.140.800.000)	-	(122.140.800.000)
Chênh lệch phát sinh khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam định giá lại giá trị khoản đầu tư tại thời điểm chuyển sang công ty cổ phần – đã điều chỉnh lại	-	-	(418.630.985.392)	-	-	-	-	-	-	-	-	(418.630.985.392)	-	(418.630.985.392)
Phân loại lại	-	-	802.727.148.601	(802.727.148.601)	80.071.211.315	(80.071.211.315)	-	-	-	-	-	-	-	-
Các biến động khác về vốn chủ sở hữu – đã điều chỉnh lại	(11.487.200.338)	-	8.660.809.929	-	2.803.329.943	(149.107.629)	212.797.597	(129.046.093)	(10.835.481.689)	-	(2.836.562.388)	(13.760.460.668)	(228.190.418)	(13.988.651.086)
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã điều chỉnh lại</b>	4.299.595.911.499	-	770.234.193.045	(803.152.512.757)	388.519.949.500	-	-	10.735.145.017	207.834.918.253	2.760.607.380	1.612.907.276.735	6.489.435.488.672	43.125.910.033	6.532.561.398.705
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã báo cáo trước đây</b>	4.299.595.911.499	-	386.138.029.836	(425.364.156)	308.448.738.185	80.071.211.315	-	10.735.145.017	212.848.004.910	2.760.607.380	1.612.907.276.735	6.913.079.560.721	43.125.910.033	6.956.205.470.754
<b>Điều chỉnh lại (Thuyết minh 5)</b>	-	-	384.096.163.209	(802.727.148.601)	80.071.211.315	(80.071.211.315)	-	-	(5.013.086.657)	-	-	(423.644.072.049)	-	(423.644.072.049)

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác VND	Chênh lệch đánh giá lại tài sản VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND	Nguồn kinh phí sự nghiệp VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1/1/2015 - đã điều chỉnh lại</b>	4.299.595.911.499	-	770.234.193.045	(803.152.512.757)	388.519.949.500	-	-	10.735.145.017	207.834.918.253	2.760.607.380	1.612.907.276.735	6.489.435.488.672	43.125.910.033	6.532.561.398.705
Vốn góp	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	44.737.415.558	44.737.415.558	-	44.737.415.558
Biên động thuận của cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	10.707.507.646	10.707.507.646	-	10.707.507.646
Nguồn kinh phí nhân từ Ngân sách Nhà nước	-	-	-	-	-	-	-	-	-	494.591.729.182	-	494.591.729.182	5.411.295.336	500.003.024.518
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	29.317.611.379	-	-	358.315.136	(29.675.926.515)	-	-	531.959.408.323	-	531.959.408.323
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-	(30.667.315.831)	-	(21.639.969.807)	(52.307.285.638)	-	(52.307.285.638)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(167.442.705)	-	-	(200.890.136)	-	-	(3.505.414.792)	(102.500.791.652)	(7.108.581.934)	(10.982.329.567)
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(102.500.791.652)	-	(102.500.791.652)
Điều chuyển tăng vốn công ty cổ phần	700.404.088.501	29.911.650.892	(730.315.739.393)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất các công ty con mới trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	71.763.389.445	71.763.389.445	-	71.763.389.445
Phần sở hữu của cổ đông thiểu số trong giá phi khoản đầu tư vào các công ty con cấp 2	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(13.854.265.616)	(13.854.265.616)	-	(13.854.265.616)
Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	-	-	-	54.386.931.715	-	-	-	-	-	-	(384.971.084.612)	(330.584.152.897)	-	(330.584.152.897)
Chênh lệch phát sinh khi Tập đoàn giảm tỷ lệ sở hữu tại một công ty con nhưng không thay đổi quyền kiểm soát đối với công ty con này	-	-	-	-	-	-	-	-	30.103.980.188	-	110.496.819.812	140.600.800.000	-	140.600.800.000
Các biên động khác về vốn chủ sở hữu	-	-	2.330.177.087	-	3.350.884.224	-	-	51.782.350	3.705.974.644	-	1.368.385.118	10.807.203.423	-	10.807.203.423
<b>Số dư tại ngày 31/12/2015</b>	<b>5.000.000.000.000</b>	<b>29.911.650.892</b>	<b>42.248.630.739</b>	<b>(748.765.581.042)</b>	<b>421.021.002.398</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>10.944.352.367</b>	<b>563.486.264.926</b>	<b>497.352.336.562</b>	<b>1.475.284.041.971</b>	<b>7.291.482.698.813</b>	<b>41.428.623.435</b>	<b>7.332.911.322.248</b>

(\*) Chênh lệch đánh giá lại tài sản là khoản chênh lệch phát sinh khi định giá lại giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa theo quy định tại Điều 33 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP và tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 khi Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam chuyển thành công ty cổ phần. Do phần vốn góp của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam trong các công ty nhận đầu tư vẫn được phản ánh theo giá gốc của khoản đầu tư chứ không phải giá trị được xác định lại, phần chênh lệch giữa giá trị xác định lại và giá gốc của các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận là một khoản chênh lệch đánh giá lại tài sản trên báo cáo tài chính hợp nhất.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**  
**(tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Tập đoàn Dệt May Việt Nam là:

	<b>29/1/2015 và 31/12/2015</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	500.000.000	5.000.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tập đoàn Dệt May Việt Nam công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tập đoàn Dệt May Việt Nam.

Vốn cổ phần đã phát hành cho các cổ đông như sau:

	<b>Đã phát hành và đang lưu hành</b>		
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>	<b>%</b>
Nhà nước	267.438.100	2.674.381.000.000	53,49%
Các cổ đông khác	232.561.900	2.325.619.000.000	46,51%
	500.000.000	5.000.000.000.000	100%

Xem thuyết minh 31 để biết chi tiết biến động vốn cổ phần trong năm.

**33. Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam hoặc theo sự phê duyệt của Ban Giám đốc của các công ty con. Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***34. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản**

Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được Ngân sách Nhà nước giao cho Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con để giải ngân cho các dự án đầu tư xây dựng cơ bản. Tập đoàn Dệt May Việt Nam và các công ty con có trách nhiệm quản lý và sử dụng số vốn được giao theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn về cơ chế thanh toán vốn đầu tư thuộc nguồn vốn Ngân sách Nhà nước.

**35. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Trong vòng một năm	20.538.289.646	70.621.585.583
Trong vòng hai đến năm năm	37.551.879.227	198.851.212.528
Sau năm năm	22.621.577.460	200.606.339.554
	80.711.746.333	470.079.137.665

**(b) Tài sản, nguyên vật liệu, hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công**

	<b>31/12/2015</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2015</b> <b>VND</b>
Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba hoặc nhận gia công	45.148.146.317	80.423.759.927
Vật tư hàng hóa nhận ký gửi, cầm cố, thế chấp	655.346.580	136.319.428.435
	45.803.492.897	216.743.188.362



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(c) Ngoại tệ các loại**

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	8.304.296	186.372.340.046	3.800.059	81.130.433.653
JPY	178.977	33.280.773	40.000	7.080.000
EUR	3.899	95.484.082	2.352	59.654.523
		<u>186.501.104.901</u>		<u>81.197.168.176</u>

**(d) Nợ khó đòi đã xử lý**

	Nguyên nhân xóa sổ	Năm xóa sổ	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt May Hapaco Hải Phòng	Không có khả năng thu hồi	2011	6.193.939.787	6.193.939.787
Phải thu Công ty TNHH Một thành viên Dệt 19/5 Hà Nội	Không có khả năng thu hồi	2011	4.220.231.656	4.220.231.656
Phải thu các đối tượng khác			12.875.760.918	12.767.004.043
			<u>23.289.932.361</u>	<u>23.181.175.486</u>

**(e) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	576.991.272.591	481.100.000.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	155.761.701.033	-
	<u>732.752.973.624</u>	<u>481.100.000.000</u>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***36. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	14.622.004.102.668	13.082.273.353.341
▪ Cung cấp dịch vụ và gia công	380.683.972.840	305.527.476.269
▪ Hợp đồng xây dựng	26.780.455.035	7.337.027.995
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	151.381.827.889	69.782.720.871
▪ Thu nhập tiền lãi	-	22.986.723.819
	<hr/> 15.180.850.358.432	<hr/> 13.487.907.302.295
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	12.389.661.902	12.826.274.523
▪ Giảm giá hàng bán	1.322.058.036	2.461.869.224
▪ Hàng bán bị trả lại	8.389.009.562	12.096.083.677
	<hr/> 22.100.729.500	<hr/> 27.384.227.424
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 15.158.749.628.932	<hr/> <hr/> 13.460.523.074.871

**37. Giá vốn hàng bán**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	10.824.772.960.269	8.240.968.544.720
▪ Hàng hoá đã bán	2.068.684.454.759	3.483.435.598.410
▪ Dịch vụ đã cung ứng	251.638.820.116	87.705.419.568
▪ Hợp đồng xây dựng	3.456.915.912	1.046.071.555
▪ Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư cho thuê	158.051.353.030	88.623.440.077
▪ (Hoàn nhập)/trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(13.807.353.245)	24.927.356.585
	<hr/> 13.292.797.150.841	<hr/> 11.926.706.430.915

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***38. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lãi tiền gửi và cho vay	160.436.629.215	109.852.529.897
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	52.256.918.393	38.270.526.602
Cổ tức được chia	37.945.416.178	34.107.028.985
Lãi mua bán ngoại tệ	-	358.705.328
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	65.986.598.498	33.191.721.497
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	2.496.639.997	602.227.574
Thu nhập tiền lãi từ các khoản trả chậm	604.302.741	4.144.063.229
Chiết khấu được hưởng do thanh toán đúng hạn	-	10.398.307.859
Lãi thuần do mất quyền kiểm soát đối với các công ty con	115.493.091.400	4.022.951.168
Lãi do thanh lý công ty liên kết	1.108.134.668	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	5.985.736.817	789.717.057
	<hr/> 442.313.467.907	<hr/> 235.737.779.196

**39. Chi phí tài chính**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Chi phí lãi vay	354.284.173.973	275.969.528.569
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	4.334.263.222	19.550.240.894
Lỗ do mất quyền kiểm soát đối với các công ty con	98.402.788.317	-
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	11.998.678.069	(25.416.828.014)
Lỗ do kinh doanh ngoại hối	43.248.313	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	149.268.303.177	43.445.664.966
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	58.505.401.040	9.474.873.643
Lãi thanh toán chậm	3.315.136.698	2.366.730.673
Chi phí phát hành trái phiếu	4.835.010.232	2.806.771.917
Chi phí tài chính khác	3.677.325.853	2.895.132.562
	<hr/> 688.664.328.894	<hr/> 331.092.115.210

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***40. Chi phí bán hàng**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	107.216.453.777	152.417.519.247
Chi phí công cụ và dụng cụ	12.617.879.867	20.905.600.054
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.927.554.367	17.180.393.757
Chi phí vận chuyển	133.919.385.239	126.569.864.272
Chi phí quảng cáo khuyến mãi	2.118.055.282	1.820.062.123
Chi phí xuất nguyên vật liệu	9.346.794.605	9.403.667.246
Chi phí dịch vụ mua ngoài	140.537.049.346	178.831.086.919
Chi phí bao bì	33.222.723.804	19.239.676.067
Chi phí hoa hồng	16.681.130.319	18.661.137.389
Chi phí xuất nhập khẩu	12.896.047.755	2.898.155.390
Chi phí bán hàng khác	91.228.462.155	102.275.740.381
	<hr/>	<hr/>
	561.711.536.516	650.202.902.845
	<hr/>	<hr/>

**41. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nhân viên văn phòng	405.642.063.819	359.542.217.711
Chi phí đồ dùng văn phòng và vật liệu quản lý	27.141.768.451	20.006.790.784
Chi phí khấu hao và phân bổ	57.225.473.114	63.739.970.958
Dự phòng phải thu khó đòi	140.674.832.215	150.815.376.803
Thuế, phí và lệ phí	29.775.361.405	24.988.216.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.709.355.103	56.757.537.231
Tiền thuê đất	30.585.104.221	34.444.652.033
Công tác phí	10.260.713.095	9.671.165.488
Chi phí tiếp khách	9.264.922.290	8.265.867.442
Chi phí đào tạo	2.218.480.000	1.599.444.392
Chi phí khác	184.128.087.841	191.397.323.890
	<hr/>	<hr/>
	980.626.161.554	921.228.563.427
	<hr/>	<hr/>



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***42. Thu nhập khác**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	137.006.404.302	26.759.938.781
Tiền đền bù, giải phóng mặt bằng nhận được từ các bên khác	14.209.038.663	124.758.752.564
Thu nhập từ đánh giá lại các khoản đầu tư	5.710.699.729	-
Bán phế liệu	4.026.886.643	13.045.136.529
Thu từ hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	12.265.144.431	18.236.561.940
Thu tiền phạt vi phạm hợp đồng	5.724.617.115	12.792.547.535
Lãi vay phải trả được điều chỉnh giảm	-	43.724.416.667
Hoàn nhập dự phòng chi phí di dời Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hà Nội đến cơ sở sản xuất kinh doanh mới	-	31.953.840.397
Hỗ trợ gia công và kinh phí tiêu thụ sản phẩm nhận được	4.888.842.572	-
Nợ phải trả được điều chỉnh giảm	11.516.222.447	6.790.664.598
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ từ hợp nhất kinh doanh	-	64.078.039.811
Thu từ các khoản khác	20.648.778.955	22.734.978.078
	<hr/>	<hr/>
	215.996.634.857	364.874.876.900
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**43. Chi phí khác**

	<b>2015</b> <b>VND</b>	<b>2014</b> <b>VND</b>
Lỗ do thanh lý và xóa sổ tài sản dài hạn và chi phí thanh lý	126.253.001.960	18.633.239.520
Trả tiền bồi thường do vi phạm hợp đồng	3.512.160.196	2.297.395.998
Chi phí di dời cơ sở kinh doanh	7.191.091.618	-
Phạt vi phạm thuế	2.515.274.809	2.536.829.595
Truy thu thuế	-	1.662.542.958
Chi phí phân bổ tiền thuê đất nhà máy sợi Phú Xuyên	-	4.056.800.004
Phạt vi phạm khác	-	3.060.315.350
Chi phí của Tổng Công ty Cổ phần Phong Phú liên quan đến Dự án Lê Minh Xuân và Dự án Tăng Phú	-	24.055.689.112
Chi phí hoạt động cấp điện, nước và các dịch vụ khác	11.041.403.547	7.141.051.764
Chi các khoản khác	13.746.224.285	16.593.746.062
	<hr/>	<hr/>
	164.259.156.415	80.037.610.363
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***44. Chi phí sản xuất, thương mại và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất và chi phí mua hàng hóa để bán lại	7.258.886.659.317	8.131.611.829.951
Chi phí nhân công	2.864.083.655.669	2.335.812.090.477
Chi phí khấu hao và phân bổ	585.663.173.305	477.560.905.056
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.065.393.043.826	1.771.912.804.425
Chi phí khác	1.060.699.862.535	768.411.975.440

**45. Thuế thu nhập****(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	64.589.354.537	47.367.180.240
Dự phòng thiếu trong những năm trước	167.402.938	170.477.273
	<hr/> 64.756.757.475	<hr/> 47.537.657.513
<b>Chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	30.545.170.555	18.174.662.379
	<hr/> 95.301.928.030	<hr/> 65.712.319.892

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2015 VND</b>	<b>2014 VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	627.261.336.353	530.296.612.207
Thuế tính theo thuế suất của Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam	137.997.493.998	116.665.254.686
Ưu đãi thuế	(3.602.812.509)	(2.956.203.509)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(10.771.658.330)	(11.216.687.342)
Chi phí không được khấu trừ thuế	2.227.154.718	5.431.421.084
Thu nhập không bị tính thuế	(72.320.811.859)	(87.173.018.315)
Lỗi tính thuế được sử dụng	(235.434.104)	(565.976.794)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	41.840.593.178	45.357.052.809
Dự phòng thiếu trong những năm trước	167.402.938	170.477.273
	<b>95.301.928.030</b>	<b>65.712.319.892</b>

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty mẹ - Tập đoàn Dệt May Việt Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thông thường là 22% trên lợi nhuận tính thuế cho năm 2014 và 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

Các công ty con của Tập đoàn có nghĩa vụ phải nộp cho Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất quy định trong các quy định thuế hiện hành.

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***46. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 500.000.000 cổ phiếu, chi tiết như sau:

	<b>2015</b>
	<b>VND</b>
Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông phổ thông của Tập đoàn Dệt May Việt Nam (*)	382.184.634.187
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	500.000.000
	764

(\*) Lợi nhuận thuần thuộc về các cổ đông của Tập đoàn không bao gồm số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Tập đoàn chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Tập đoàn trích quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông, và theo đó lãi cơ bản trên cổ phiếu, sẽ giảm đi.

**47. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>2015</b>	<b>2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các công ty liên kết</b>		
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Vinatex Tân Tạo</b>		
Cổ tức	-	5.940.000.000
Góp vốn đầu tư	2.700.000.000	-
<b>Công ty TNHH Coats Phong phú</b>		
Cổ tức	169.147.078.906	97.605.677.232
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	275.240.096.365	118.771.021.997
Mua hàng hóa và dịch vụ	103.762.921.917	77.768.741.300
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Phong Phú</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	148.092.221.893	25.524.211.016
Mua hàng hóa	60.471.610.683	21.323.429.593
Thu nhập lãi cho vay	4.259.383.332	-
Lãi phạt vi phạm hợp đồng	2.919.583.333	-
Cho vay	2.000.000.000	-



**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty Cổ phần May Nhà Bè</b>		
Cổ tức	12.600.000.000	12.600.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	40.049.408.621	47.003.426.397
Mua hàng hóa và dịch vụ	4.024.392.607	17.315.259.061
<b>Công ty Cổ phần May Bình Minh</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.200.000	21.971.675.461
Mua hàng hóa và dịch vụ	125.545.455	4.771.088.521
Cổ tức	1.417.500.000	2.700.000.000
<b>Tổng Công ty Cổ phần May 10</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	22.356.701.250	53.751.045.246
Mua hàng hóa và dịch vụ	19.913.445.237	-
Cổ tức	7.102.360.000	5.637.502.500
Góp vốn đầu tư	5.918.600.000	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Quảng Phú</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	208.933.272.620	173.505.842.042
Mua hàng hóa và dịch vụ	344.916.362.274	151.965.560.361
Thu nhập lãi cho vay	1.850.448.665	-
<b>Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	134.200.000	8.324.798.786
Mua hàng hóa và dịch vụ	68.181.818	18.691.005.191
Cổ tức	40.467.760.000	40.217.760.000
<b>Tổng Công ty Việt Thắng – Công ty Cổ phần</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	321.000.000	1.116.840.381
Mua hàng hóa và dịch vụ	43.450.078.767	13.795.501.901
Cổ tức	19.710.000.000	24.637.500.000
<b>Công ty Cổ phần May Đông Mỹ Hanosimex</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	1.275.921.565	8.403.716.169
Mua hàng hóa và dịch vụ	5.514.823.682	1.386.533.894
Cổ tức	185.440.000	185.440.000
<b>Công ty Cổ phần Dệt Hà Đông Hanosimex</b>		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	33.570.367.092	75.653.685.315
Mua hàng hóa và dịch vụ	231.305.493	191.061.465
<b>Công ty Cổ phần May Hữu Nghị</b>		
Góp vốn đầu tư	12.581.130.000	5.914.684.976
Cổ tức	5.501.666.000	12.827.780.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	44.400.000	-

**Tập đoàn Dệt May Việt Nam****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND	2014 VND
<b>Công ty Cổ phần May Hòa Thọ - Phú Ninh</b>		
Mua hàng hóa và dịch vụ	37.268.322.827	35.765.110.514
<b>Công ty Cổ phần May Đáp Cầu</b>		
Cổ tức	4.073.400.000	3.359.944.425
Góp vốn đầu tư	7.212.000.000	-
Nhận hoàn trả khoản vay	-	25.706.254.529
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	-
<b>Tổng công ty May Đồng Nai</b>		
Cổ tức	3.066.336.000	4.599.504.000
Thu nhập lãi cho vay	-	117.965.461
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.000.000	197.188.009
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	1.624.643.346
Góp vốn đầu tư	6.689.280.000	-
<b>Tổng Công Ty May Đức Giang – Công ty Cổ phần</b>		
Cổ tức	7.959.238.000	11.638.269.120
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	20.000.000	2.718.947.263
Mua hàng hóa và dịch vụ	9.374.947.370	-
<b>Công ty Cổ phần May Hưng Yên</b>		
Cổ tức	14.230.339.200	23.357.880.000
Nhận hoàn trả khoản vay	-	9.000.000.000
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	152.400.000	-
Góp vốn đầu tư	25.387.260.000	-
<b>Công ty Cổ phần Dệt May Liên Phương</b>		
Cho vay	17.500.000.000	-
Góp vốn đầu tư	24.852.076.451	-
<b>Công ty Cổ phần May Chiến Thắng</b>		
Góp vốn đầu tư	612.000.000	-
Cổ tức	1.224.000.000	1.224.000.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây Dựng Vinatex</b>		
Góp vốn đầu tư	7.918.626.154	-
<b>Công ty TNHH Dệt may Vinatex Quốc Tế Toms</b>		
Góp vốn đầu tư	27.677.160.000	-
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị</b>		
Tiền lương và thù lao đã trả	2.676.675.634	-



**Phụ lục 1**

Các công ty con cấp 1 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn			Giá trị đầu tư của Tập đoàn Dệt May Việt Nam VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn VND	
		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp	Tổng tỷ lệ sở hữu	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư
1	Công ty TNHH MTV Dệt 8-3	100%	0%	100%	173.199.296.963	173.199.296.963	-	-
2	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Xuân	100%	0%	100%	115.191.925.340	115.191.925.340	-	-
3	Công ty TNHH MTV Dệt kim Đông Phương	100%	0%	100%	164.474.782.024	164.474.782.024	-	-
4	Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Nguyên liệu Dệt May Việt Nam	61,63%	19,32%	80,95%	29.337.000.000	29.337.000.000	17.762.279.263	17.762.279.263
5	Công ty CP Sợi Phú Bài	53,85%	12,66%	66,51%	7.592.200.000	7.592.200.000	3.125.000.000	3.125.000.000
6	Công ty CP Phát Triển Hạ Tầng Dệt May Phố Nội	51,00%	0,00%	51,00%	40.800.000.000	40.800.000.000	-	-
7	Tổng Công ty CP Dệt May Hoà Thọ	68,21%	0,00%	68,21%	107.424.820.000	107.424.820.000	-	-
8	Công ty CP Len Việt Nam	67,15%	1,62%	68,77%	27.531.200.000	27.531.200.000	1.300.000.000	1.300.000.000
9	Công ty CP Sản xuất XNK Dệt May	68,34%	0,00%	68,34%	29.250.000.000	29.250.000.000	-	-
10	Công ty CP Dệt May Huế	65,54%	0,00%	65,54%	32.768.330.000	32.768.330.000	-	-
11	Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội	57,57%	0,00%	57,57%	118.026.000.000	118.026.000.000	-	-
12	Tổng Công ty CP Dệt May Nam Định	53,67%	0,00%	53,67%	72.997.000.000	72.997.000.000	-	-
13	Công ty CP Bông Việt Nam	55,00%	0%	55,00%	27.500.000.000	27.500.000.000	-	-
14	Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex	51,00%	0%	51,00%	37.275.000.000	37.275.000.000	-	-
15	Công ty CP Vinatex Hồng Lĩnh	46,50%	22,36%	68,86%	37.200.000.000	37.200.000.000	33.000.000.000	33.000.000.000
16	Tổng Công ty CP Phong Phú	51,00%	0%	51,00%	374.087.960.000	374.087.960.000	616.870.000	616.870.000



**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn				Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp			Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn VND	
		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty khác	Tổng tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với công ty mẹ trực tiếp	Tổng tỷ lệ sở hữu	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư
<b>Công ty con của Công ty TNHH MTV Dệt 8 - 3</b>												
1	Công ty CP Dệt kim Vinatex	0%	60,51%	22,95%	83,46%	60,51%	100%	60,51%	22.992.000.000	22.992.000.000	15.008.000.000	15.008.000.000
2	Công ty CP Vinatex Quốc tế	0%	65,47%	0%	65,47%	65,47%	100%	65,47%	45.500.000.000	45.500.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hòa Thọ</b>												
3	Công ty CP Thời trang Hòa Thọ	0%	52,44%	0%	52,44%	76,88%	68,21%	52,44%	2.667.900.000	2.667.900.000	-	-
4	Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam	0%	21,92%	0%	21,92%	32,14%	68,21%	21,92%	6.428.000.000	6.428.000.000	-	-
5	Công ty May Hòa Thọ - Hội An	0%	36,95%	0%	36,95%	54,18%	68,21%	36,95%	4.063.500.000	4.063.500.000	-	-
6	Công ty CP May Hòa Thọ Duy Xuyên	0%	40,51%	0%	40,51%	59,40%	68,21%	40,51%	2.673.000.000	2.673.000.000	-	-
7	Công ty CP Hòa Thọ Thăng Bình	0%	36,55%	0%	36,55%	53,59%	68,21%	36,55%	1.550.000.000	1.550.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội</b>												
8	Cty CP Thời trang Hanosimex	0%	37,42%	0%	37,42%	65,00%	57,57%	37,42%	5.850.000.000	5.850.000.000	-	-
9	Công ty CP Dệt May Hoàng Thị Loan	0%	43,70%	0%	43,70%	75,90%	57,57%	43,70%	25.503.100.000	25.503.100.000	-	-
10	Công ty CP Thương mại Hải Phòng Hanosimex	0%	29,40%	0%	29,40%	51,07%	57,57%	29,40%	5.107.000.000	5.107.000.000	-	-

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn				Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp			Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn VND	
		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty khác	Tổng tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với công ty mẹ trực tiếp	Tổng tỷ lệ sở hữu	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư
11	Công ty CP May Halotexco	0%	30,88%	13,74%	44,62%	53,64%	57,57%	30,88%	1.877.500.000	1.877.500.000	1.100.000.000	1.100.000.000
12	Công ty CP May Hải Phòng Hanosimex	0%	28,79%	5,88%	34,67%	50,00%	57,57%	28,79%	1.250.000.000	1.250.000.000	500.000.000	500.000.000
13	Công ty TNHH MTV Hà Nam – Hanosimex	0%	57,57%	0%	57,57%	100%	57,57%	57,57%	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
14	Công ty CP Dệt Hà Đông Hanosimex	0%	30,65%	0%	30,65%	53,23%	57,57%	30,65%	6.920.000.000	13.039.194.560	-	-
15	Công ty TNHH MTV Hà Đông Hà Nam	0%	30,65%	0%	30,65%	100%	30,65%	30,65%	12.000.000.000	12.000.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Dệt may Nam Định</b>												
16	Công ty CP Dịch vụ Thương mại Dệt Nam Định	0%	28,19%	0%	28,19%	52,52%	53,67%	28,19%	2.836.200.000	2.836.200.000	-	-
17	Công ty CP Chân Len Nam Định	0%	47,11%	0%	47,11%	87,78%	53,67%	47,11%	10.513.260.000	10.513.260.000	-	-
18	Công ty CP May IV Dệt Nam Định	0%	28,69%	0%	28,69%	53,46%	53,67%	28,69%	2.673.000.000	2.673.000.000	-	-
19	Công ty CP Dệt Khăn Dệt May Nam Định	0%	46,34%	0%	46,34%	86,34%	53,67%	46,34%	4.317.000.000	4.317.000.000	-	-
20	Công ty CP Dệt - Dệt May Nam Định	0%	48,78%	0%	48,78%	90,88%	53,67%	48,78%	27.264.000.000	27.264.000.000	-	-
21	Công ty CP Sợi Thanh Châu Dệt May Nam Định	0%	47,77%	0%	47,77%	89,00%	53,67%	47,77%	4.450.000.000	4.450.000.000	-	-
22	Công ty CP May V Dệt May Nam Định	0%	42,22%	0%	42,22%	78,65%	53,67%	42,22%	4.326.000.000	4.326.000.000	-	-

**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn				Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp			Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn VND	
		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty khác	Tổng tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với công ty mẹ trực tiếp	Tổng tỷ lệ sở hữu	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư
<b>Công ty con của Công ty CP Bông Việt Nam</b>												
23	Công ty CP Bông Tây Nguyên	0%	29,80%	0%	29,80%	54,18%	55,00%	29,80%	5.418.000.000	5.418.000.000	-	-
24	Công ty CP Bông Vải Miền Trung	0%	27,40%	15,86%	43,26%	49,81%	55,00%	27,40%	4.550.000.000	4.550.000.000	3.250.000.000	3.250.000.000
25	Công ty CP Giồng cây trồng Nha Hồ	0%	29,70%	0%	29,70%	54,00%	55,00%	29,70%	10.800.780.000	10.800.780.000	-	-
<b>Công ty con của Công ty CP Đầu tư Phát triển Vinatex</b>												
26	Công ty CP May Nam An	0%	32,81%	0%	32,81%	64,33%	51,00%	32,81%	15.440.000.000	15.440.000.000	-	-
27	Công ty TNHH May Vinatex Tư Nghĩa	0%	38,25%	0%	38,25%	75,00%	51,00%	38,25%	22.500.000.000	22.500.000.000	-	-
28	Công ty TNHH May Vinatex Hương Trà	0%	40,80%	0%	40,80%	80,00%	51,00%	40,80%	24.000.000.000	24.000.000.000	-	-
29	Công ty TNHH May Vinatex Bồng Sơn	0%	51,00%	0%	51,00%	100%	51,00%	51,00%	30.000.000.000	30.000.000.000	-	-
<b>Công ty con của Tổng Công ty CP Phong Phú</b>												
30	Công ty CP Dệt Đông Nam	0%	31,10%	0%	31,10%	60,99%	51,00%	31,10%	36.817.040.000	36.817.040.000	-	-
31	Công ty CP Dệt May Nha Trang	0%	37,53%	0%	37,53%	73,59%	51,00%	37,53%	136.143.750.000	136.143.750.000	-	-
32	Công ty CP Đầu tư Khánh Phú	0%	0,00%	0%	25,73%	50,46%	51,00%	25,73%	4.362.000.000	4.362.000.000	-	-





**Phụ lục 2**

Các công ty con cấp 2 của Tập đoàn Dệt May Việt Nam mà báo cáo tài chính của các công ty con này đã được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn				Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp			Giá trị đầu tư của công ty mẹ trực tiếp VND		Giá trị đầu tư của các công ty khác trong Tập đoàn VND	
		Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty mẹ trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu gián tiếp thông qua công ty khác	Tổng tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ sở hữu trực tiếp	Tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn với công ty mẹ trực tiếp	Tổng tỷ lệ sở hữu	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư	Theo mệnh giá	Giá gốc khoản đầu tư
33	Công ty Thương mại và Sản xuất Phú Trà	0%	30,98%	0%	30,98%	60,74%	51,00%	30,98%	23.091.000.000	23.091.000.000	-	-
34	Công ty CP Xúc tiến Thương mại và Đầu tư Phong Phú	0%	28,05%	3,43%	31,48%	55,00%	51,00%	28,05%	6.157.203.600	6.157.203.600	1.854.000.000	1.854.000.000
38	Công ty May mặc Gia Phú	0%	26,01%	0%	26,01%	51,00%	51,00%	26,01%	10.200.000.000	10.200.000.000	-	-
39	Công ty TNHH Linen Supply	0%	30,60%	0%	30,60%	60,00%	51,00%	30,60%	19.098.000.000	19.098.000.000	-	-



**Phụ lục 3**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ % sở hữu của Tập đoàn	Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND
<b>Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>			
1	Tổng Công ty May Nhà Bè - CTCP	27,69%	50.400.000.000
2	Tổng Công ty May Đức Giang - CTCP	36,79%	22.740.680.000
3	Công ty CP May Hưng Yên	35,01%	47.434.460.000
4	Công ty CP May Phương Đông	25,50%	9.180.000.000
5	Công ty CP May Bình Minh	25,00%	9.000.000.000
6	Công ty CP May Hữu Nghị	29,24%	27.508.330.000
7	Công ty CP May Đồng Nai	25,65%	15.331.680.000
8	Công ty CP Vinatex OJ	35,00%	10.143.000.000
9	Công ty CP May Chiến Thắng	21,99%	6.120.000.000
10	Công ty CP Vinatex Đà Nẵng	30,00%	6.000.000.000
11	Công ty CP May Đáp Cầu	24,04%	10.818.000.000
12	Công ty CP May Nam Định	30,00%	3.600.000.000
13	Công ty TNHH May mặc Xuất khẩu Tân Châu	44,00%	3.564.000.000
14	Công ty CP Tư vấn Xây dựng và Dịch vụ Đầu tư	23,46%	610.000.000
15	Tổng Công ty CP May Việt Tiến	47,88%	134.059.200.000
16	Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP	46,93%	98.550.000.000
17	Tổng Công ty May 10 - CTCP	35,51%	35.511.800.000
18	Công ty CP Dệt May Viễn thông Sài Gòn Vina	30,00%	85.346.535.875
19	Công ty CP Dệt May Liên Phương	30,77%	95.877.720.000
20	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinatex	44,16%	7.918.626.154
<b>Công ty liên kết của Công ty cổ phần Vinatex Quốc tế</b>			
21	Công ty TNHH Dệt may Vinatex Quốc Tế Toms	23,97%	27.677.160.000
<b>Công ty liên kết của Tổng công ty Cổ phần Dệt may Hoà Thọ</b>			
22	Công ty CP VTD Hiệp Đức	25,24%	3.700.000.000

0112  
ÔNG  
NHIÊN  
PN  
LIÊM

**Phụ lục 3**

Các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Tên đơn vị	Tỷ lệ % sở hữu của Tập đoàn	Giá trị đầu tư theo mệnh giá VND
<b>Công ty liên kết của Tổng Công Ty CP Dệt may Nam Định</b>			
23	Công ty CP May 1 Dệt Nam Định	22,45%	2.007.500.000
24	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định	26,92%	31.100.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Dệt May Hà Nội</b>			
25	Công ty CP May Đông Mỹ Hanosimex	16,68%	1.159.000.000
<b>Công ty liên kết của Công ty CP Sợi Phú Bài</b>			
26	Công ty CP Sợi Phú Bài 2	31,92%	24.000.000.000
<b>Công ty liên kết của Công ty CP Hòa Thọ - Quảng Nam</b>			
27	Công ty CP May Hòa Thọ - Phú Ninh	18,57%	8.500.000.000
<b>Công ty liên kết của Tổng Công ty CP Phong Phú</b>			
28	Công ty TNHH Coats Phong Phú	18,18%	106.691.335.644
29	Công ty CP đầu tư phát triển Phong Phú	12,75%	46.425.000.000
30	Công ty CP Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị 9	10,97%	10.000.000.000
31	Công ty CP May Đà Lạt	20,40%	4.231.000.000
32	Công ty TNHH Xây dựng Phong Đức	17,85%	3.500.000.000
33	Công ty CP Dệt May Quảng Phú	20,40%	36.000.000.000
34	Công ty CP Nhà và Phát triển Đô thị Phú Quốc	13,56%	17.700.000.000
35	Công ty CP Phát triển Nhà Phong Phú - Daewon - Thủ Đức	24,30%	144.586.200.608
36	Công ty CP Phát triển Phong Phú Lãng Cô	19,59%	7.299.000.000

**Phụ lục 4**

Các công ty liên kết của Tập đoàn không được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu trong báo cáo tài chính hợp nhất do không trọng yếu

STT	Tên đơn vị
<b>Công ty liên kết của Tập đoàn Dệt May Việt Nam</b>	
1	Công ty CP Đầu tư Vinatex Tân tạo





**Phụ lục 5**

Công ty con mà Tập đoàn đã mất quyền kiểm soát trong năm

<b>STT</b>	<b>Tên đơn vị</b>
1	Công ty CP Tài chính Dệt May
2	Công ty TNHH MTV Thương Mại Thời Trang Dệt May Việt Nam
3	Công ty CP Phát triển Hạ tầng Công nghiệp và Sản xuất Kinh doanh Dệt May Việt Nam
4	Công ty CP Đầu tư Ngôi sao Gia Định
5	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Vinatex
6	Công ty CP Đô thị Dệt May Nam Định